

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU
CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|----------------|
| — Tình hình tiểu công nghệ Đông-Dương trong hai năm vừa qua | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Ngã ba (kịch ba hồi) | ĐOÀN PHÚ TỬ |
| — Một đời người, một gương sáng:
Yersin | VŨ VĂN CẦN |
| — Đọc Việt-nam cổ văn học sử | THANH TUYỀN |
| — Trò Lưu Bình Dương Lễ. | NG. XUÂN KHOÁT |
| — Ba cuốn tiểu thuyết Pháp hiện đại | LÊ HUY VĂN |
| — Danh văn ngoại quốc : Khách quan và chủ quan. | ĐINH GIA TRINH |
| — Các lời hải hước của người Pháp và Nam trong văn chương | VŨ BỘI LIÊU |
| — Á. Q. chính truyện | ĐẶNG THÁI MAI |
| — Tặng các anh em học sinh:
Chương trình đi thăm Đép-cầu —
Bắc-ninh | NG. THIỆU LÂU |
| — Việc quốc tế | Đ. Đ. Đ. |

TÌNH-HÌNH TIỂU ĐÔNG-DƯƠNG TRONG

NGÀY 10 Mars vừa qua, có lễ phát bằng và các giải thưởng về cuộc thi tiểu công-nghệ tổ chức hồi tháng décembre năm ngoái. Những sản phẩm được hội-đồng chấm thi lựa chọn đã mang trưng bày tại hội-chợ Saigon. Ta còn nhớ kỳ hội-chợ Hà-nội tháng décembre 1941 đã có một kỳ thi tiểu công-nghệ và phát thưởng cho các thợ lành nghề. Và từ nay, theo nhời tuyên-bố trong bài diễn-văn của quan Toàn-quyền, hàng năm sẽ có những kỳ thi như thế.

Bằng cứ vào những cuộc trưng bày các sản phẩm tiểu công-nghệ trong hai kỳ hội-chợ Hà-nội và Saigon, ta thử xét qua tình hình tiểu công-nghệ trong 2 năm vừa qua ở Đông-dương, nhất là ở Bắc-kỳ, vì xứ Bắc-kỳ vẫn đứng đầu trong nền kinh-tế này.

Vì sự thiếu thốn các hàng ngoại quốc càng ngày càng gắt gao, các thợ hàng mới và số người hoạt động trong các ngành công-nghệ mới trong khoảng một năm đã tăng lên nhiều lắm. Trong kỳ hội chợ Hà nội, tháng décembre 1941, có chừng 50 thợ hàng mới và 100 nhà công nghệ dự thi (1). Trong kỳ thi tháng décembre 1942 tại vườn Ấu-trĩ Hà-nội có chừng 200 thợ hàng mới và 400 người dự thi (2).

Khách chiêm lãm cuộc trưng bày tiểu công-nghệ ở vườn Ấu-trĩ và hội chợ Saigon hồi cuối năm ngoái đã vui vẻ nhận thấy một lần nữa những đức tính quý hóa của người thợ Việt-nam: cần cù và khéo tay. Ta đã từng thấy những bức truyền thần thêu bằng chỉ màu. Nay ta lại thấy những hình Thống-chế Pétain Đô-đốc Deçoux và Hoàng-đế Bảo-đại đan bằng những sợi mây nhỏ rất! Song về phương diện tinh-thần, ta nhận thấy người thợ Việt-nam chỉ có óc phỏng tạo và thích dụng. Người ta biết áp dụng khung cử dẹt dài thắt lưng để dệt những giải huy chương và dây buộc kèn; biến chế giấy lince xưa nay vẫn dùng làm mã thành

«giấy than» (papier carbone) dùng để đánh máy. Có người làm được cả giấy in ảnh, cả những con búp-bê óng ả, tóc tơ hung đỏ mắt xanh lè, mồm-mồm bóng bẩy như hết những búp-bê bằng dĩa bán ở hiệu Gô-đa vào dịp lễ Noël, chỉ khác là nặng hơn nhiều vì... nó bằng gỗ! Ta không lạ trước sự khéo-léo ấy vì hằng ngày ta đã thấy những xe nhà, sắp gụ đến cả hoa tai mặt ngọc xuyên vàng chạm chỗ làm bằng giấy mà thoạt trông ta có thể lầm là đồ thật được! Song điều mà ta mong mỗi thấy ở người thợ Việt-nam là óc sáng kiến. Vì dầu sao óc phỏng tạo chỉ mới tổ một trình-độ sơ đẳng của tinh-thần. Dập được đúng kiểu mẫu mới chỉ là tiêu sảo; mà khi kiểu-mẫu lại là những sản phẩm đã tạo nên bằng những máy móc tinh vi, thì có làm giống kiểu mẫu đến đâu, cũng chỉ thành những thứ hàng «giả» có thể đánh lộn sòng với những con mắt khờ khạo chứ đối với những kẻ «biết người biết cửa» thì nó sẽ phải lộ ngay cái vẻ «dài dại làm sao ấy»! Tôi cố tìm mà không thấy một thứ nước gì không pha bằng chất hóa học mà lấy ở thảo mộc (cây bồ hòn chẳng hạn) để có thể thay được xà-phòng giặt sạch được quần áo mà không dặt tiền; hoặc một cái máy bột lửa dặt dệ, dễ làm, không cần dầu lửa, dễ thay được diêm, hoặc một thứ mực nào mà khi viết hay in xong đem phơi nắng một lúc thì bay đi hết (1)! Vẫn biết, những sáng kiến dặt dệ và có công hiện ấy rất hiếm có. Song trong một cuộc trưng bày công nghệ, kẻ đi xem hẳn có quyền ước mong được thấy một vài sản phẩm không phải là hoàn toàn phỏng-tạo.

(1) Để tiết kiệm giấy, đã có người nghĩ làm được một thứ bằng có thể dùng được «mãi mãi mà khi viết không cần phải phấn-hay bút» (theo nhời quảng-cáo). Nhưng tiếc thay người phát minh thứ hàng đó không chịu tìm thêm để tới một kết-quả tốt hơn, và sáng kiến đó nhìn như cũng hèn được hội-đồng chú ý.

(1) Thanh-nghị số 7.

(2) Theo quyển «Catalogue des artisans du Tonkin» do ban Tiểu-công-nghệ Bắc-kỳ ấn hành.

(1, 2) Những con số trên chỉ có giá-trị tương đối, cho ta so sánh đại khái sự hoạt-động của những ngành công-nghệ mới trong 2 năm 1941 và 1942.

CÔNG-NGHỆ HAI NĂM VỪA QUA Vũ dìm la Hòe

Nguyên nhân sự kém óc sáng kiến là sự thiếu học của người thợ Việt-nam và sự thờ ơ của phái trí thức đối với các ngành công-nghệ. Vì tình thế suy bầy, trong lúc này đã có vài bạn thanh niên trí-thức hoạt-động về công-nghệ, nhưng chắc cũng còn phải đợi một thời-kỳ khá lâu mới có thể sáng-kiến được thứ gì vì cái học của họ đã được hưởng thụ không phải là cái học chuyên-môn. Còn về kinh-nghiệm thì tất nhiên là thiếu hẳn.

Một điều hơi lạ cho khách thăm cuộc trưng bày là không được thấy một sản phẩm nào do sáng kiến của các bạn thanh niên đã được huấn luyện do các trường kỹ-nghệ thực hành mà mục đích là đào tạo những thợ lành nghề và có kiến-thức (1).

Trong những hàng trưng bày đại khái có những thứ sau này, là những thứ mà hội-đồng chấm thi đã lựa chọn để phát thưởng (2):

a) Khí-cụ và dụng-cụ

Khung dẹt dài thắt lưng.
Máy làm đinh.
Lưỡi cưa.
Cối xay đá mài hiệu Silexine.
Đồ dùng để đo lường tinh vi.
Máy đan.
Máy làm sơn.
Máy làm nến.
Bàn máy khoan.
Kim máy khâu.

(1) Điều nhận xét này có thể không hoàn-toàn xác thực. Trong những người đã trưng bày, có thể có người đã tốt nghiệp ở các trường trên mà không nói rõ lại lịch nên ta không biết.

(2) Muốn biết tên và địa chỉ những nhà sản xuất ra các thứ hàng này, nên xem quyển Catalogue des artisans du Tonkin, đoạn: Les Lauréats au concours de l'artisanat indochinois, 1er décembre 1942.

b) Đồ dùng bằng kim-khí

Khung xe đạp.
Đèn bin.
Bộ phận máy ô-tô (pistons, segments).
Vành chắn xích xe đạp.
Tủ sắt.
Đồ dùng trong nhà về điện.
Nồi soong dùng trong bếp bằng aluminium.
Đồ dùng bàn ăn.
Lò nấu đồ ăn.
Danh, khay bằng sắt.
Chốt cửa, khóa, vòi máy nước.
Máy đun nước trong thùng tắm.

c) Giấy, bút, mực, đồ văn phòng

Giấy bản, giấy dó lụa, giấy bìa cứng, giấy hoa, giấy mặt đá, giấy than (papier carbone).
Mực viết và mực in.
Đá và mực để in thạch bản.
Giấy bìa bằng thạch-nhung (amianté).
Phấn viết bảng.
Ngòi bút bằng sắt, bằng thủy tinh.
Hồ dán, keo.

d) Đồ dệt và chỉ sợi

Vải dệt bằng chỉ gai.
Vải dệt bằng chỉ tơ và cói chọn lẫn — bằng sợi và cói — bằng sợi và gai — bằng sợi và bông gao — bằng bông gao và gai — bằng sợi, bông gao và gai.
Vải dệt bằng đay — bằng đay và sợi chọn lẫn — bằng đay và gai.
Vải dệt bằng bông gao, vải dệt bằng thạch nhung.
Vải sơn, vải không thấm nước.
Vải dày dùng làm đai guồng máy.
Thảm dệt bằng đay.
Bao tải bằng đay, bằng gai — bằng gai và bằng tơ — bằng gai, bằng thạch nhung, đay chọn lẫn.
Chỉ bằng bông — bằng bông gao, cuộn sợi bằng bông và bông gao.

e) Đồ đan và thừng chèo

Đồ đan lát vật, đồ chơi bằng máy và cói.
Mũ (casque) đan bằng rễ cây ban.

(Xem trang sau)

Guốc gỗ mũi đan bằng cỏi.
Hộp bị sách tay (sac à main), đan bằng mây,
bằng lá gồi.
Giày và thừng làm bằng cỏ.
Giày dầy và giày gai.

f) Đồ thực-phẩm

Phó-mát và bơ (của ông Ch. Magne ở Chapa)
Sữa hộp và bột sữa.
Bột đậu nành.
Thạch xoa.
Bánh mì ngọt và bánh chọn nhỏ (pain d'épi-
ce, plum-cakes)
Rượu dầu.

h) Đồ thủy-tinh, đồ sành

Đồ sành tráng men (Bát-tràng)
Đồ bằng thủy-tinh dùng ở phòng thí nghiệm.
Đồ dùng ở bàn ăn bằng thủy-tinh.
Đồ thờ bằng thủy-tinh tráng bạc.
Đèn pha xe đạp, mặt kính đồng hồ.

i) Đồ chơi trẻ con

Bằng (ổ, bằng sắt... đập theo kiểu các đồ chơi
của trẻ con tây: ô-tô, máy bay, búp-bê, hộp xếp
nhà cửa...

j) Các đồ linh-tinh

Đen thóp dừ ta và các thứ dầu thảo mộc.
Da thuộc và chất thuộc da lấy ở cây duoc.
Nến.
Sơn.
Lơ giặt quần áo.
Nước hoa, phấn sọp.

Xem qua các đồ hình trưng bày, ta nhận
thấy những điều sau này:

1-) Chín mươi chín phần trăm là những « thể
phần n » những hàng sản xuất để thay những
hàng ngoại quốc đã thiếu thốn hẳn, hoặc không
đủ cung cấp sự cần dùng trong nước. Có những
công-nghệ hoàn-toàn mới lập như các nghề làm
sữa hộp và bột sữa, làm đinh, kim máy khâu,
ngòi bút, mực in, giấy than, v. v... Có những
công nghệ đã hầu tiêu diệt từ lâu lại sống lại
như nghề kéo chỉ, kéo sợi, nghề chế các thứ dầu
ta để thấp... Có những công nghệ bỗng trở nên
phát đạt không ngờ như nghề làm giấy bản,
nghề làm guốc, nghề đan các thứ rổ và bao
bằng mây hay lá gồi. Có những nghề bị kém
sút như nghề làm thủy-tinh vì thiếu vật liệu
nhưng kéo lại bằng những sản phẩm mới: đồ
dùng ở phòng thí-nghiệm, mặt kính đồng hồ,
mặt kính đèn pha xe đạp.

2-) Những « thể phẩm » đồ hầu hết là những
đồ hàng cùng cấp cho phái trung lưu. Hàng
bình dân khó lòng tìm được một thứ hàng để
thay những thứ cần dùng, tiện lợi và giá phải
chăng.

Một thứ hàng tối cần cho bọn này là vải may
quần áo. Không một nhà công nghệ nào nghĩ
tìm cho họ một thứ vải dệt đan, hay bện bằng
cỏ, bằng cỏi, bằng lá, bằng vỏ cây thè ketch (1)
cũng được nhưng đủ ấm và do những vật liệu
rẻ và dễ tìm.

Lại như diêm, xà-phòng, dầu hỏa cũng không
có hàng nào để thay mà thích hợp cho dân nghèo.
Nhiều người chế được thứ dầu thảo-mộc thấp
có thể sáng như dầu hỏa, nhưng giá đắt vô
chùng (2\$50 một lít, dầu hỏa hồi trước 0,16 một
lít).

3-) Tuy không được biết rõ số người hoạt-động
trong mỗi công-nghệ mới này, song ta có thể
đoán là rất ít so với số thợ trong nước và trong
mỗi nghề vẫn có xưa nay. Cả số hàng mới đã
xuất sản và sức có thể sản-xuất của mỗi công-
nghệ mới, chắc cũng không là bao. Nghĩa là địa
vị về kinh-tế của những hàng mới này chưa có
thể nói là quan trọng.

4-) Vì những hàng mới đều là những « thể
phẩm » nên nó chỉ có giá trị trong nhất thời và
những công nghệ mới này sẽ bị đào thải rất
nhanh do luật cạnh tranh, một khi tình thế bất
thường không còn nữa. Tất cả những khí cụ,
dụng cụ, (máy đan, máy làm đinh, kim máy
khâu...), những đồ dùng bằng kim khí (bộ phận
máy ô-tô, khung xe đạp, danh, khóa, ngòi bút...) những đồ thực phẩm như sữa hộp và bột sữa... những giấy in mực in v. v... sẽ không thể nào so sánh được với những hàng ngoại quốc vừa tốt, bền, lại giá hạ, trừ phi ta đã lập được những kỹ nghệ để sản xuất những thứ hàng tương đương. Nhưng đó lại là một vấn-đề khác, ra ngoài phạm vi tiểu công nghệ.

5-) Có rất nhiều công-nghệ mới như những
nghề làm khí cụ, dụng cụ, hoặc những đồ bằng
kim khí dùng những vật liệu nhập cảng còn lại
như gang, thép, sắt tây, aluminium hay cốp
nhất những bộ phận cũ đem chấp ghép lại.
Những vật liệu và những bộ phận ấy sẽ hết
trong một thời gian rất ngắn, và những công
(Xem-tiếp trang 26)

(1) Trong kỳ hội chợ Hanoi 1941, ở gian hàng Tuyên-Quang có trưng bày một thứ vỏ cây, vỏ cây sủ, mà thổ dân vùng ấy thường bóc và cứ dùng nguyên như thế làm áo mặc và chân giày.

Tiếp theo

Cảnh thứ nhất

Văn cảnh tri ấy. Tất cả mọi cửa đều mở rộng. Ánh mặt trời buổi sáng, rực rỡ trong trẻo tràn ngập khắp trời đất bên ngoài, và chiếu xuyên qua cửa vườn vào đến giữa phòng, làm sáng hừng cả gian phòng. Những phòng bên cũng sáng chói lọi và dội thêm chút nắng hắt vào phòng giữa qua các cửa giao thông rộng mở. Phòng của Hùng trên gác cũng mở và sáng trưng bừng.

Những đồ hành lý ngồn ngồn ở mấy góc nhà và ở ngoài hiên tỏ rằng có những người sắp ra đi. Ngoài vườn thấp thoáng bóng những gia-đình đang thu dọn.

LỚP THỨ NHẤT

THIẾU-NỮ RỒI TUYỀN

Cô thiếu-ữ đương chơi nghịch đón ánh nắng vào một chiếc gương và chiếu vào ngôi tượng Phật. Tuyền ở ngoài vườn bước vào, tay cầm một cành lý trắng xóa những hoa nở chi-chì. Cô thiếu-nữ liền quay lại chiếu ngay ánh gương vào mặt Tuyền. Tuyền chói mắt, lấy cành lý che mặt thì cành lý sáng trưng bừng trên mặt Tuyền.

TUYỀN kêu.—Ồi! Ồi!

Cô thiếu-nữ giật mình, đánh rơi cái gương, vỡ tan dưới chân.

THIẾU-NỮ khóc.—Hi, hi, hi.

TUYỀN.—Ồ! (nhặt những mảnh gương đưa giả cô Thiếu-nữ). Xin lỗi cô. Vì tôi chói mắt quá nên mới kêu lên, làm vỡ mất tấm gương đẹp của cô.

THIẾU-NỮ ném những mảnh gương vào xó nhà, vừa khóc vừa nói.—Có phải tôi tiếc tấm gương này đâu. Nhưng ông đã làm tan mất mộng đẹp của tôi rồi.

TUYỀN.—Mộng đẹp nào, thưa cô?

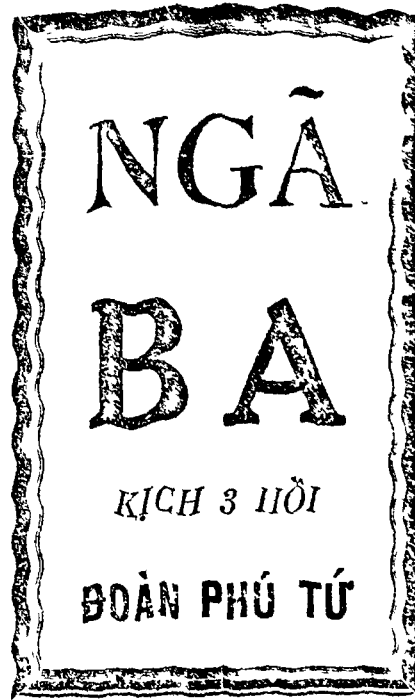
THIẾU-NỮ sụt sịt.—Tan mất cả rồi, ông còn hỏi làm gì?

TUYỀN.—Tôi không hiểu...

THIẾU-NỮ nín rồi rồi một giọng giận dữ.—Có bao giờ các ông hiểu cái gì đâu! Giời ôi! cái gì cũng chả có ai hiểu cả!

TUYỀN.—Cô nói mộng đẹp nào, mà sao lại tan được vì cái gương rơi vỡ?

THIẾU-NỮ, chán nản.—Cái gì cũng phải nói lời thôi dài dòng mới hiểu hay sao? (giống quay mặt vào một xó).



TUYỀN, sau một lát ngo-ngạc —Tôi van cô đừng làm khổ tôi như thế nữa, và xin biểu cô cảnh hoa đẹp này để đền giấc mộng đẹp của cô, dù tôi không biết là mộng gì.

THIẾU-NỮ, quay lại nhìn Tuyền một lát.—Tôi có lấy cảnh hoa này làm gì. Cảnh hoa trong tay ông bây giờ chỉ còn là cái xác hoa mà thôi, có đẹp gì nữa đâu. Hồn hoa đã tan mất rồi. Bannay, tôi đương chiếu sang ông Phật này, để tìm một cái gì đẹp lắm, thì ông bước vào, tôi quay lại, trông thấy cảnh hoa sáng trưng bừng hớn hờ trên mặt ông. Mộng đẹp của tôi đương rực rỡ, thì ông làm tôi giật mình đánh rơi mất gương, và tan mất cả mộng. Bây giờ thì còn làm thế nào được nữa, và

cảnh hoa của ông, dù đẹp mấy đi nữa, còn có giá trị gì nữa đâu.

TUYỀN.—Tôi có ngờ đâu. Tôi rất hối hận.

THIẾU-NỮ.—Hối hận cũng chẳng có ích gì. Có điều là các ông ở nhà này không biết yêu quý cái gì cả.

TUYỀN.—Thưa cô, tôi không phải là người nhà này. Tôi chỉ là kẻ..., trú chân một buổi, như cô, và cũng sắp ra đi như cô mà thôi. Còn có trách tôi không biết yêu quý cái gì cả, thì thực là oan uổng vô vụng. Dù bị đời bạc đãi cho đến nỗi..., tôi vẫn biết quý những bông hoa đẹp và biết yêu những người... những người...

THIẾU-NỮ.—Ông biết quý hoa, mà ông nữ ngắt những cánh hoa này đem vào đây ư? Bao giờ ông quý đến ngọn núi kia, thì phiền lắm, vì trong phòng này chật quá không đem được ngọn núi kia về.

Tuyền xấu hổ, vứt cánh hoa vào một xó, và ngồi vào một góc, rồi ôm mặt khóc.

THIẾU-NỮ, nhặt cánh hoa, lại gần.—Thưa ông... Tôi không định làm ông phiền lòng. Xin ông cứ cầm lấy cánh hoa này mà chơi.

TUYỀN.—Cô có biết rằng cô cũng làm tan mất mộng đẹp của tôi rồi hay không?

THIẾU-NỮ.—Thôi thế là hòa, chứ gì?

TUYỀN.—Tôi ngắt cánh hoa này, không phải ở trên cây, mà ở trong lòng tung búp g của tôi khi này... Bây giờ thì còn làm thế, nào được nữa? » như lời cô vừa rồi). Đừng dưng, buồn bã tiến vào phía vườn. Dưng lại nói:) Tôi định ngắt cánh hoa xinh đẹp kia, để biếu cô. Cô trách tôi chẳng bao giờ hiểu cái gì cả. Còn cô thì cô có hiểu gì không? Cô c

hiều rằng trong lòng tôi thiếu nào vì cô hay không? Hay là còn « phải nói lời thôi dài dòng », cô mới hiểu rằng lòng tôi yêu cô từ phút đầu tiên, và đã tan nát vì cô từ lúc vừa qua? (*Chạy vụt ra vườn*).

THIẾU-NỮ. *ngắm cảnh hoa trong tay*.—Biểu mình cảnh hoa này? Và tan nát vì mình?

Cầm cảnh hoa. *chạy theo Tuyền Mạnh tất tả ở ngoài vườn vào, suýt va phải nhau*.

LỚP THỨ HAI

MẠNH. rồi CẦM, THI

Mạnh ngo-ngác nhìn theo ThiẾu-Nữ, rồi bước sang hai phía cửa tả hữu như để tìm ai. Một lát. Cầm và Thi ở bên hữu ra.

THI.— Nếu đợi Hùng về thì không khéo lỡ mất chuyến đò.

CẦM.— Hôm nay xuôi gió chắc thế nào đó cũng nhỏ sào muộn không lo gì. Ta cứ thủng thỉnh.

MẠNH, quay lại.— Các anh nhất định xuôi sáng hôm nay?

THI.— Còn có cái gìn giữ chúng ta ở cái nhà này nữa?

CẦM.— Thi nóng ruột muốn đi ngay bây giờ. Tôi nghĩ nên chờ Hùng một lát.

THI.— Mà Hùng đi đâu vậy, Mạnh?

MẠNH.— Không biết đi chơi đâu với Lượng từ sáng sớm.

CẦM.— Hay là đi săn gô ở bên rừng Linh-đài? Ta chờ may có quà. Nhưng mà từ sáng chưa nghe thấy tiếng súng.

MẠNH.— Lạy giời đừng có tiếng súng nào nổ trong buổi sáng tươi đẹp này!

THI.— Anh sợ lại là tiếng súng hôm trước chăng?

MẠNH.— Có tiếng súng nào là khiến làm tan vỡ một cái gì đó? Có viên đạn nào phát ra mà không làm khuấy động ít ra là một ánh nắng êm đềm, hay một làn gió nhẹ? Có tiếng nổ nào lại không làm tắc lại, trong một vài giây, mạch máu đang lưu thông trong da thịt của ta, và làm cho ta tê tái cả một trái lòng?

THI.— Cầm ạ, đến thế này thì ta phải đi ngay bây giờ. Ở lại một giờ nữa thì tôi sẽ thành một người loạn óc. Anh có nghe đấy không? Bên một anh bác sĩ bây giờ cũng nói sáng sớm như một bài thơ, thì cái nhà này còn ở thế nào được nữa. Ta phải đi vì cái ông cụ già với cô bé con kia sẽ không bao giờ đi cả?

MẠNH.— Anh lầm to. Ông cụ già với cô bé sẽ đi ngay sáng hôm nay. Và cả chúng ta nữa. Cả anh chàng chết đuối hụt, và cả người bạn say sưa của chúng ta. Và cả Hùng nữa cũng ra đi. Chỉ trong buổi sáng hôm nay thôi.

THI.— Anh chàng chết trôi tất nhiên là đi, vì nắng một ngày hôm qua đã đủ hong khô quần áo của anh ta rồi.

MẠNH.— Chỉ trong một buổi sáng này thôi, là tất cả mọi người, tất cả mọi thứ đều ra đi. Một buổi

sáng nắng ấm như thế này, có con thuyền nào nổ gấp mình trong khoang tối mà không căng phôi phôi trên dòng sông linh động để đón từng bùng những ánh đẹp của lòng ta?

THI.— Tôi đi trước vậy, nếu anh Cầm không cùng đi với tôi. (*Chạy và ra phía vườn*).

MẠNH.— Không ai cùng đi với ai cả. Nhưng mà rồi ai cũng ra đi cả. Cần gì phải hẹn hò? Cần gì phải vội vã?

CẦM, nhìn ra phía vườn.— Anh Mạnh ạ, những lời của anh vừa nói hình như tôi đã có nghe thấy ở đâu rồi, nhưng chưa bao giờ tôi hiểu như lúc này. Chưa bao giờ tôi thấy, như lúc này, sự thực lộ bày và thắm-thia của những lời đó.

Bóng Lão-rượng thấp thoáng ngoài vườn

CẦM.— Anh Mạnh! Ông cụ già kia là ai? Là cái gì vậy, anh?

MẠNH.— Anh chưa hiểu ư? Đó là một bậc lão-trượng đã sống cả cuộc đời của thế-nhân, và đã tìm thấy cái thanh thần trong lòng. Đó là hiện-thân của cái gì vĩnh-viễn.

CẦM.— Ông cụ đang đo bóng cây trên bồn cỏ để làm gì?

MẠNH.— Ta hãy ra vườn tìm ông cụ nói vài câu chuyện, trước khi Hùng và Lượng về. Ta hãy cố ghi lấy một vài phút giây tốt đẹp để dành cho những ngày ta có thể mất lòng tin-trưởng. Lạy giời đừng có tiếng súng nào nổ trong buổi sáng êm đẹp này!

Vừa lúc có tiếng sòn sào ở phòng bên hữu. Mạnh, Cầm ra vườn.

LỚP THỨ BA

QUẦN-GIA, VÀ BỌN GIA-ĐÌNH, rồi BỘC.

Quần-gia ra trước. Bọn gia đình theo sau lễ lễ khiêng các thứ đồ hành lý.

QUẦN-GIA.— Đặt những thứ đó vào một góc này. Rồi khiêng cái hòm này ra ngoài hiên. Hai người khêng cũng đủ rồi. Còn một anh xuống dưới nhà sửa soạn mấy chiếc quang gánh. Chọn những chiếc thùng thật chắc, kéo lưng chừng đời mà đứt dây thì chết. (*Bọn gia đình làm theo lời sai bảo.*) Còn ba anh này ở lại tôi bảo. Lép gác khiêng cái va-li-hòm của ông xuống đây. Xem lại cẩn thận xem khóa có chắc không, kéo tung cả đồ đạc của ông thì khốn đấy.

Ba lên gia-đình lên gác. Bộc ra.

BỘC, ngái ngủ.— Cái gì mà dọn dẹp lung-tung cả thế này, hở bác Quần-gia?

QUẦN-GIA.— Anh biết cái gì mà hỏi?

BỘC.— Các ông ấy đi à?

QUẦN-GIA.— Phải?

BỘC.— Mà ông Hùng cũng đi à?

QUẦN-GIA.— Phải.

BỘC.— Thảo nào thấy thu xếp cả đồ đạc của ông Hùng. Thế ông Lượng cũng đi à?

QUẢN-GIA. — Ông Hùng cũng đi thì ông Lượng ở lại với ai?

BỘC. — Ở nhĩ! Thế chúng mình cũng đi à?

QUẢN-GIA. — Không, tôi không đi, vì tôi phải trông nom nhà cửa cho ông Hùng. Người nhà không ai đi cả. Chỉ có một mình anh đi thôi.

BỘC. — Sao tôi lại đi?

QUẢN-GIA. — Anh ở lại đây với ai? Ai chịu nổi anh? Rượu say be bét, rồi lại thối kèn inh ỏi, ai mà chịu được? Một là anh đi với ông Hùng, mà thối kèn. Hai là anh đi theo ông Lượng mà uống rượu.

BỘC. — Bác đừng nói thế. Sống mỗi người một nết, chết mỗi người một tật. Nhân vô thập toàn, bác ạ. Nhưng mà cái gì chứ, đi thì sợ gì. Nhưng mà ông Hùng đi thực à?

QUẢN-GIA. — Đồ đạc của ông Hùng đương khiêng xuống kia kia.

Ba tên gia đình vác hòm ở trên gác xuống

BỘC. — Tại sao ông Hùng lại đi? mà đi đàn?

QUẢN-GIA, *Bảo gia đình.* — Để cái này vào đây. Thế rồi xuống bếp sửa soạn quang gánh đi. Chọn lấy mấy tay đòn thực tốt.

Những tên gia đình vác giá rồi vào

BỘC. — Làm sao mà ông Hùng lại không ở đây nữa?

QUẢN-GIA. — Vì ông Hùng bán nhà, bán ấp cho người ta rồi.

BỘC. — Sao lại bán?

QUẢN-GIA. — Bán để đi chỗ khác, chứ làm sao?

BỘC. — Bán cho ai?

QUẢN-GIA. — Bán cho lão Bích-sa-lê ở bên núi Cấm. Hay là anh muốn mua, thì nói với ông bán cho anh.

BỘC. — Bích-sa-lê? người tây à?

QUẢN-GIA. — Phải, người Tây già có một người vợ An-nam béo xị và mười hai con chó săn tai quạ.

BỘC. — Mười hai người vợ béo và...À, không, một người vợ béo và... (*ngâm nghĩ*.) Bác quản-gia này! tôi muốn nói với ông Hùng đừng bán ấp.

QUẢN-GIA, *vừa nói vừa đi vào phía hữu.* — Cái đó tùy anh tội chả dám can. (*vào*)

BỘC, *một mình.* — Mười hai con chó săn 1.. Tại sao lại mười hai con chó săn?

Lượng, Hùng, Mạnh ở ngoài vườn vào.

LỚP THỨ TƯ

LƯỢNG, HÙNG, MẠNH, BỘC

Hùng đi trước tay cầm súng, mặc đồ đi săn người vạm vỡ, nét mặt rắn rỏi. Lượng và Mạnh theo sau.

BỘC, *vẫn nói một mình.* — Một người vợ béo và mười hai con chó tai quạ! Giời ơi là giời!

HÙNG. — Bộc (*Bộc quay lại, hốt hoảng*) Mày nói lảm bảm cái gì thế? Mày đừng làm gì đây?

BỘC. — Già, bầm ông con đương nghĩ đến mười hai người vợ béo...à không, mười hai con chó tai quạ và một người vợ béo...

HÙNG. — Cái gì? Mày nói lảm bảm cái gì?

BỘC. — Con nghĩ đến ông Bích-sa-lê. Bầm ông, con lạy ông trăm lạy, ông đừng bán ấp.

HÙNG. — Tại làm sao?

BỘC. — Con không biết. Nhưng mà con chỉ biết rằng ông không nên bán ấp này cho ai cả. Ông đi trong ít tháng rồi lại về đây với chúng con. Nhà cửa đã có chúng con trông nom cẩn thận. Vả lại ông cần gì mà phải bán? Ấp nhà đã đến lúc có hoa lợi...

LƯỢNG. — Không, ông Hùng thôi không bán ấp nữa rồi.

BỘC. — Thực, hả ông?

LƯỢNG. — Thực chứ. Ông Hùng vừa sang bên núi Cấm trả lời thôi không bán nữa.

BỘC. — Ồ, thế chứ lại! Tách quá, thế thì thích quá! (*nhảy cõn*) Ha ha! mười hai người vợ béo...à không, một người vợ béo, và...

LƯỢNG. — Nhưng mà thôi, đi xuống nhà dưới đi. Ta cũng xuống đây. Mày thu dọn hộ ta mấy cái đồ lặt vặt, nhé.

BỘC. — Vâng, con xuống đây. Nhưng mà ông cũng đi à? Ông không ở chơi vài ngày nữa? Ông đi thì con nhớ lắm. (*nói với Hùng*.) Bầm ông, ông đi săn không được con gô nào?

HÙNG. — Ở nhà, mày có nghe thấy tiếng súng không?

BỘC. — Con không biết ạ. Bầm ông, con vừa mới ngủ dậy.

HÙNG. — Quý-hóa nhĩ Bây giờ mới dậy!...Không, ta không đi săn. Ta đi chơi với ông Lượng.

BỘC. — Ông không đi săn à? (*Nhìn vào cây súng trong tay Hùng*)

HÙNG. — Phải. Ta cầm súng đi vì quen tay. Từ mai, mày không phải lau súng không phải nhồi thuốc đạn nữa. Ta không bao giờ đi săn nữa. (*Nói với bạn*.) Còn một viên đạn cuối cùng này, để lát nữa, ta sẽ bắn một phát súng lên đường như những ngày cất quân.

LƯỢNG. — Muốn lên đường thì phải thu xếp hành trang chứ. Mà tên Bộc này còn đừng hóng chuyện đây thì bao giờ xong mà đi hử?

BỘC. — Già, già?

LƯỢNG. — Già vâng cái gì? Thôi đi xuống.

BỘC. — Vâng con xuống đây. Nhưng mà rồi xin ông uống với con một chén rượu tiễn hành.

LƯỢNG. — Ờ, còn phải nói gì nữa! đi, đi.

Lượng tới Bộc vào phía hữu.

LỚP THỨ NĂM

HÙNG, MẠNH.

MẠNH. — Anh Hùng, anh nghĩ thế nào mà định bán rồi lại thôi.

HÙNG.— Tôi định bán vì muốn ra đi một chuyến. Những nghĩ lại thấy vô ích: có cần gì phải bán mới đi được? Tôi sẽ cho quần-gia trông nom cả, rồi tôi lên đường với các anh.

MẠNH.— Anh cũng về thành-thị...?

HÙNG.— Không. Lên đường với nhau cùng trong một ngày tốt lành. Rồi mỗi người sẽ phải theo Số Mệnh mà đi con đường riêng của mình.

MẠNH.— Anh ra đi... trong lòng chán đời hay yêu đời?

HÙNG.— Chán đời hay yêu đời, đối với chúng ta bây giờ, đều không có nghĩa nữa. Những tư-tưởng bậc ám, những nỗi niềm khắc khoải đã tan rồi. Tôi nghe thấy trong tâm hồn có một điệu đàn êm ái gọi tới tới một cuộc sống an nhàn, thanh thản:

MẠNH.— Ông cụ già... đã nói với anh những gì?

HÙNG, *mơ màng*.— Không, không nói gì cả... Nhưng bao giờ thì các anh ra đi?

MẠNH.— Ngay bây giờ. Còn anh?

HÙNG, *vẫn mơ màng*.— Cũng trong ngày hôm nay. Sau khi mọi người đã đi cả.

MẠNH.— Anh sẽ cùng đi với ông cụ già và cô bé cháu?

HÙNG.— Không. Tôi không cùng đi với một người nào (*mơ màng*). Song tôi cùng đi với tất cả mọi người.

MẠNH.— Anh đi về phía nào? và độ bao giờ trở lại?

HÙNG.— Đi về phía nào? tôi chưa biết. Chỉ biết chỗ tôi tới phải là chỗ có muôn ngàn cõi sống, và không bao giờ ai bỏ về được cả.

MẠNH.— Không bao giờ anh trở về đây?

HÙNG.— Mà có ai trở về đâu được bao giờ? Cuộc sống của trời đất là luôn luôn đi tới, có bao giờ trở lại? Mùa xuân sắp tới đây có phải là mùa xuân vừa qua đâu. Không bao giờ ta có thể trở lại cái gì cả, anh Mạnh ạ.

MẠNH.— Bao giờ chúng ta lại gặp nhau?

HÙNG.— Chúng ta có bao giờ xa nhau đâu, dù mỗi người đi một ngã. Lúc nào là chúng ta chẳng gặp nhau và hiểu nhau trong sương sớm mây chiều? cả trời đất bao la này, là nơi hội ngộ ngày ngày của chúng ta đó.

MẠNH.— Tôi nghe trong giọng nói của anh có một cái gì khác lạ. Tôi thấy có một cái gì lạnh lẽo và xâu kín khác thường lắm.

HÙNG.— Tôi cũng thấy thế. Mà không thể làm thế nào khác được. Trước khi mọi người từ giã nhà này lên đường đi rồi mỗi người đi một ngã mà Số-Mệnh đã định sẵn, tôi muốn có một chén trà tiễn biệt, chúng ta sẽ cùng uống với nhau trong một niềm tin tưởng. Vậy anh cứ thu xếp hành trang của anh đi. Để tôi bảo người nhà sửa soạn đồ nước. Tôi sẽ nhắc chén ngay giữa gian phòng sáng sủa và thông-thoáng này.

Mạnh vào phía hữu. Hùng treo súng lên vách, lặng nhìn ngôi tượng Phật một giây phút, rồi lặng lẽ bước ra vườn, gặp Cầm Thi đi tới. dừng bước nói nhỏ với nhau mấy lời. rồi Hùng đi về phía hữu, và Cầm, Thi tiến vào trong phòng.

LỚP THỨ SÁU

CẦM, THI, rồi LƯỢNG, rồi MẠNH

Cầm, Thi vừa thu xếp hành lý vừa nói chuyện

THI.—Đó cũng là một ý kiến hay, miễn là nhanh chóng cho kịp chuyến đò. Mà dù có nhờ chuyến đò, ta cũng cứ phải ra đi, rồi có phải ngủ đố lại một đêm ở một quán nước trên bến cũng không sao. Điều cần nhất là lên đường trong ngày hôm nay.

CẦM.— Tôi thấy cuộc lên đường này là một cuộc sống lại của lòng mình, sống lại cho một cái gì đó tung bừng và thắm thiết lắm. Thật tôi không ngờ rằng còn có thể tin-tưởng được ở một cuộc lên đường nào. Tôi cứ tưởng đi tới ngã-ba-đường là đã đi tới một độ đường cùng! Tôi không ngờ rằng tôi lại còn có thể có một tấm lòng của kẻ hai mươi tuổi.

Lượng ra.

LƯỢNG.— Các anh đã nói chuyện với Hùng chưa?

THI.— Đã.

CẦM.— Làm sao?

LƯỢNG.— Các anh có thấy gì không.

THI.— Tôi thấy Hùng bảo cũng ra đi ngày hôm nay. Và sau tiệc trà tiễn biệt, sẽ lên đường với chúng ta.

LƯỢNG.— Các anh không nhận thấy gì trong giọng nói của Hùng ư? Các anh có biết Hùng lên đường đi về phía nào không? Hùng có nói gì với các anh không?

Nay lúc đó Mạnh ra.

MẠNH.— Có, Hùng có nói với tôi.

LƯỢNG.— À?

Có tiếng xôn xao của bọn gia đình đi tới.

MẠNH.— Tôi hãy sang phòng bên hỏi chuyện để cho bọn gia đình còn dọn bàn nước ở đây.

Bốn người đều vào phía tả

(Xem tiếp trang 27)

SẼ ĐĂNG:

KHÔNG NẮNG THÌ MƯA

Kịch 3 hồi của Đoàn Phú Tứ

MỘT DÒI NGU'Ò'I, MỘT GƯƠNG SÁNG bác sỹ YERSIN

VŨ VĂN CẦN

NGÀY mồng một tháng ba năm 1943 bác sỹ Yersin đã tạ thế tại Nha trang sau 80 năm tận tụy với khoa-học. Quên đời vật chất phức tạp quên vinh hoa, phú quý, chỉ biết thú vui trong sự tìm tòi, tìm tòi trên con đường phiêu lưu, tìm tòi ở trong trường thí nghiệm. Sau khi đã gây dựng cho nhân loại và riêng cho xứ này một gia-tài khoa học vững bền để tỏ là một môn đồ xứng đáng của Pasteur, của Roux, bác sỹ Yersin từ trần một cách bình thản, êm dịu, tự thấy rằng sức mình đã kiệt, và cơ thể mình dần dần ngừng chạy.

80 năm phấn đấu! Bác sỹ Yersin đã tỏ ra có một thiên tài lỗi lạc, một học vấn uyên thâm. Không có một ngành nào trong khoa học là bác sỹ không tinh thông, nào bệnh lý học, nào thú y học, nào sinh lý học nào thiên văn học, kể sao cho xiết — Là một nhà bác học chưa mãn nguyện, Yersin còn là một chiến sỹ can đảm, quả quyết trong các cuộc thám hiểm, mà vì thế nên suốt miền nam giải núi Trường sơn không mấy nơi là không in dấu chân của nhà bác học.

Dưới đây xin lần lượt tóm tắt công nghiệp của bác sỹ Yersin theo hai phương diện hoạt động: Yersin một nhà bác học và Yersin một nhà thám hiểm.

Yersin, một nhà bác học

Yersin xuất thân là một y khoa bác sỹ. Mấy tháng trước khi nộp luận án về bệnh Lao thổ Yersin còn là một chàng thanh niên 24 tuổi, đang bồng bột, hăng hái, lòng hiếu học đang sôi nổi, lại vẫn nghe cảm phục tài đức của nhà bác học Pasteur, thời ấy Không có một cuộc thí nghiệm, cuộc phát minh nào của Pasteur đang tiếp tục tại căn phòng thí nghiệm bé nhỏ nghèo nàn ở Phố Ulm mà chàng không để ý nên chàng không ngần ngại tìm đến đây xin một chân giúp việc. Vốn có tư chất thông minh nên được bác sỹ Roux cảnh sát phải của Pasteur - nhận ngay và từ đó Yersin hăng hái làm việc, giúp Roux trong việc giảng học về khoa microbiologie và cùng với Roux hăng hái cứu về độc bệnh yết hầu (toxine diphtherique) Bốn năm sau, vào năm 1890 khi bác sỹ Calmette bắt đầu tới làm việc trong phòng thí nghiệm của Pasteur, thì Yersin từ đã thầy và bạn nghe theo tiếng gọi của cuộc đời phiêu lưu của những núi cao rừng thẳm, bề cả sống cùng ở nơi xa xăm đất khách. Làm trai trí ở bốn phương, thì ra mộng thanh niên ở xứ nào cũng chỉ buồn cho những kẻ chỉ có thừa mà không tạo

Thế là Yersin đã quả quyết rời bỏ những cuộc thí nghiệm khoa học, mà đem gửi tài vào đời sống phiêu lưu. Ông lúc ấy 28 tuổi tình nguyện làm thầy thuốc dưới một chiếc tàu cho hãng Messageries maritimes. Mà duyên hội ngộ với giải đất Đông dương này cũng bắt đầu từ đây. Ngay năm 1890 ông tới Đông Dương. Năm 1891 Calmette cũng tới Saigon, lập Viện Pasteur đầu tiên tại xứ này, và cùng Yersin tổ chức công cuộc Khảo cứu.

Năm 1894 lúc Calmette trở về Pháp, lâu vừa tới kênh Suez thì nhận được một bức điện tín của chính phủ Đông Dương giữ lại, báo cho biết hiện ở miền Quảng Đông và Hương Cảng đang có nạn dịch hạch giết hại hơn 6 vạn người trong vài tuần lễ, mà xứ Đông Dương thì đang bị uy hiếp dữ dội... Tin khủng khiếp Song không thể trở lại được, Calmette bèn điện khuyên chính phủ Đông dương nên tìm Yersin, có lẽ đang lưu lạc ở một nơi nào về miền thượng du Bắc-Kỳ. Được tin, bác Sỹ Yersin vội vã tới Hương Cảng khảo cứu và thí nghiệm cùng những nhà bác học các nước, sau mấy tuần lễ, bác sỹ tìm ra vi trùng bệnh dịch hạch, ghi tên trong lịch sử khoa học và bước lên trên đài Vinh quang từ đó. Song thế chẳng đủ làm ông cảm động bằng sự hoan hỷ của Pasteur đang lấy làm vừa ý được một đồ đệ xứng đáng. Từ đây Yersin lại quay lại với khoa học. Tháng bảy năm 1894, Yersin nối tiếp cuộc điều tra ở Hương Cảng. Lấy mủ và máu của người mắc bệnh cấy và để riêng ra được con vi trùng hình thoi của bệnh dịch hạch Ông trở về pháp làm và thí nghiệm thuốc trừ (vaccin và serum) Tháng sáu năm 1895 ông mang thuốc tới Hương Cảng tiêm thử thuốc. — 20 người tiêm thuốc chỉ có hai người chết, thế là công cuộc của ông toàn thắng.

Ngay từ năm 1895 lúc ông ở Pháp quay lại Đông Dương ông lo lập ngay Viện Pasteur tại Nha trang để chuyên trị làm thuốc trừ bệnh dịch hạch. Và chính ở đây, nhà bác học Yersin từ đó về sau tiếp tục công cuộc khảo cứu về các bệnh truyền nhiễm của súc vật nhất là bệnh dịch hạch trâu bò đã làm cho công việc chăn nuôi, giống giết của nhân dân phải tổn hại rất nhiều. Lại chính ở đó ông đã tìm ra vi trùng chằng sốt hồi-quí (fièvre recurrente) mà xưa kia đã có một lần làm tai họa cho xứ Bắc kỳ. Cùng với ông De Vassal Yersin khảo cứu về bệnh sốt rét và diệt ra

gay tắc điều tra về bệnh này. Lại cũng ở Nha-trang Ông khảo cứu về các giống cây có thể giống được ở Đông Dương và đã tìm thấy cây Cao Xu và cây Quin quina là hai thứ cây đã mang lại cho xứ này một mối lợi không cùng.

Năm 1904 ông được cử làm Giám đốc viện Pasteur Saigon và Nha trang. Năm 1919 làm thanh tra các Viện Pasteur Đông Dương. Và sau khi bác sĩ Roux tạ thế ông được lên làm giám đốc Viện Pasteur Paris Đó là cái phần thưởng cao quý nhất để đền ơn những công lao khó nhọc của nhà bác học đại tài.

Yersin, một nhà thám hiểm

Vốn có óc phiêu lưu lại giàu trí tưởng tượng ngoài công việc thí nghiệm khoa học, Yersin rất ham kẻ cứu về địa dư, và ông vẫn ước ao những cuộc thám hiểm đầy gian nguy mà cũng đầy mới lạ.

Rồi tới lúc máu phiêu lưu sôi nổi trong lòng thanh niên, ông dành từ già Pasteur, Roux, tới Đông Dương. Ngay từ lúc mới đến ông đã say mê cảnh núi rừng: thế là chí mạo hiểm của ông đã tìm được nơi phát triển.

Từ năm 1890 đến năm 1894 ông luôn luôn đem hết tài lực một thân một mình đi thám hiểm giải núi Trảng Sơn. Đường đi hiểm trở — Thử rừ, muỗi độc Thở dân tàn ác. Mấy phen ông tưởng bỏ mình nơi rừng xanh núi đỏ.

Nhưng ông còn đi, ông còn vẽ địa đồ, ông còn khảo cứu về phong tục, thủy thổ, và núi giống. Ông biên chép tình vi các kỳ ức, các nỗi gian lao trong hành trình.

Cuộc du lịch mạo hiểm ấy đã đưa ông đến một kết quả mỹ mãn.

Tháng 6 năm 1893 ông tìm thấy Cao nguyên Lang bian.

« Tôi có một cảm tưởng tuyệt mỹ, khi vừa qua rừng thông, tới sườn cao nguyên ấy-trơ trọi. rộng rãi gập ghềnh dưới ba ngọn núi cao của giải Langbian... không khí êm dịu mát mẻ làm tôi quên cả mệt và tôi hồi tưởng lại cái vui thú lúc thiếu thời, chạy nhẩy như cậu học trò, hết đời này đến đời khác » (trích trong một bài diễn văn của ông nhân dịp khánh thành trường Trung học Yersin Dalat) — Trong một tờ trình cho chính phủ ông bày tỏ rõ ràng cái lợi-địa của cao nguyên này về phương diện khí hậu. Nhưng 15 năm sau người ta mới hiểu lời nói của nhà bác học có ý nghĩa, và ông toàn quyền Doumer sáng lập ra tỉnh nghỉ mát Dalat, một hạt ngọc của miền Nam hiện thời.

Sau Lang bian, Yersin lần lượt tìm tới Kontum, Darlac.

Năm 1894 vừa lúc ông đang du lịch tại các miền thượng du Bắc kỳ, miền nam nước ta, tỉnh Vân nam thì đột nhiên có tin chính phủ triệu về để khảo cứu bệnh dịch hạch Rồi từ đấy duyên khoa học lại giằng buộc nhà bác học vào trong công cuộc thí nghiệm và chiếm hết những cuộc du lịch mạo hiểm.

Từ đó về sau, ông luôn luôn vui sống ở Nha trang lại nhà riêng chẳng khác gì một nhà chi-sĩ nước ta thời trước Không một người nào đã tới nhà ông mà không ca tụng cách xếp đặt giản dị sơ sài như phản chiếu cái đức tính của chủ nhân.

Ông như có cảm tình riêng với đất nước này, tuy nó cũng chẳng lấy gì làm phì nhiêu, phong phú. Hay ông yêu nó vì nó cũng dân dị, sơ sài như ông, nhưng nó đã làm nổi bật triển được tất cả sức mãnh liệt của một thể hoạt động dịu dàng, không ồn ào nhưng chắc chắn. Ông yêu đất nước xứ này. Ông yêu cả nhân dân xứ này nữa. Xuất quanh vùng Nha trang ai ai cũng biết ông Yersin là một nhà đạo đức, nhân từ, hờn là một bác học uyên thâm.

Lại còn một điều đặc sắc nữa khiến cho ai cũng dễ ỷ. Mỗi khi một bạn thanh niên người Nam cảm tài đức mến giản dị của ông, lại thăm ông. ông rất vui lòng, và ông vui hơn nữa là bạn thanh niên kia hầu truyện ông bằng tiếng Việt Nam. Đã yêu cảnh, yêu người, lại yêu cả tiếng nói, chẳng hay xứ này có duyên nợ gì với nhà bác học kia chăng ?

Nói đến công nghiệp của Yersin bỗng phàn chúng tôi là phải nhắc tới một việc nữa, tuy không can hệ tới khoa học song liên can mật thiết đến trường Y-khoa đại học Hà-nội. Khởi lập năm 1902, Ông Toàn Quyền Doumer giao phó việc giám đốc cho bác sĩ Yersin. Khi bấy giờ trường thuốc mới còn là một nếp nhà tiêu tụy ở ngoại ô gần một nhà thương tồi tàn Mấy tháng sau, mới được dọn về chỗ hiện thời. Học trò khi ấy rất được ông hiệu trưởng thương yêu và bênh vực. Ông lại săn sóc tỉ mỉ đến công việc trong trường. Ông nhiều lần yêu cầu lập những ban khảo sát khoa-học tại trường thuốc và có ý sát nhập Viện Pasteur vào nữa. Song những đề nghị của ông đều không được chính-phủ ưng chuẩn

« Nếu chính-phủ nghe theo bác sĩ Yersin — lời ông hiệu trưởng Galliard nói với chúng tôi khi bàn về Yersin — thì trường thuốc này đã thành một đại-học hoàn toàn đầy đủ từ lâu, chứ không phải đợi đến năm 1939 »

Bác sĩ Yersin đã nhìn thấy một việc cần thiết quan hệ cho anh em thanh-niên ta từ 37 năm về trước. Thật đáng cảm phục, nhưng tiếc thay, trường y khoa cũng phải theo thời cục nên đành chịu phận thiệt thòi.

Dù sao mặc lòng, ta cũng tự hào được người sùng đáng dẫn bước đầu tiên.

Mong rằng lòng nhiệt thành, chí kiên nhẫn của ông Hiệu trưởng đầu tiên ấy còn lưu truyền trong tâm trí ta, thúc dục ta đến soi chung tấm gương tận đức và cùng nhau cố noi theo dấu chân mà nhà chiến sĩ đã in lên trên con đường khoa học.

Giờ đây trong một phút im lặng ta cùng ngẫm nghĩ lại cuộc đời của nhà bác học và bỗng phàn thanh niên lúc này.

VŨ VĂN CẦN

GIA-trị một bộ văn học sử — cũng như giá-trị tất cả các bộ chuyên sử, hoặc thông sử — là cốt ở phương-pháp. Sử khoa là một bộ-môn trong khoa-học. Một nhà sử học không có thể nhận rằng: cục diện thế giới chỉ quyết định trên chiều dài đường sống-mũi của một bà nữ hoàng Cléopâtre, một nhà sử học phải tìm, cho ra, định lệ mà giải-thích những đối-tượng mình đã nghiên-cứu.

Văn-học là một bộ phận của văn-hóa; mà văn hóa lại là một sản vật mà trong trảng-kỷ lịch-sử tri khôn loài người đã có công kiến-thiết trên nền tảng sinh hoạt chung. Sử liệu của văn-học-sử tức là những bài di văn còn lại. Một mặt nữ, văn học sử với các bộ môn khác trong sử khoa như là kinh-tế chính-trị, tôn-giáo... v. v. cũng có một mối quan hệ rất mật thiết. Vì vậy nên một nhà văn-học sử phải kê cứu, phê bình, phân tích sử liệu của bộ-môn mình, phải tìm ra những khái-niệm đại cương trong các tác phẩm tiêu biểu (œuvres représentatives) ngày trước, trong các thời kỳ văn học mình đã nghiên cứu, phải chỉ rõ sự liên lạc giữa bấy nhiêu tác phẩm, bấy nhiêu thời kỳ, rồi lại phải đem những câu kết luận, những quy-luật mình đã nhận thấy, mà đối chiếu với những thành-tích của các sử-Khoa khác để mà tìm lấy mối liên lạc giữa văn học cùng các bộ-phận khác của văn hóa. Có công phu ấy mới có thể mô tả được chân-tướng văn-học một cách thấu đáo. Lẽ cố nhiên là hiểu như vậy một bộ văn học sử sẽ cần đến sự hợp tác của tất cả các bộ chuyên sử khác. Nhưng trái lại, một bộ văn-học sử cũng phải Iĩnh-hội như vậy mới có thể bổ ích cho các bộ chuyên-sử khác cho một bộ thông-sử đầy-đủ, đích xác.

Trong công cuộc biên tập — cũng như trong lúc thảo luận và phê-bình, — một nhà văn-học sử phải luôn-luôn đứng về phương diện khách-quan. Một pho sử không phải là một bài thuyết pháp trong chùa cũng không phải là một bài văn tuyên truyền về chính-trị. Nếu như đem bấy nhiêu tài liệu mà phân-tích cho có phương pháp, và mô tả được tinh-thần một xã hội trong một thời kỳ nhất định, từ: là đạt mục-dịch rồi. Ngay đầu bài tựa cuốn: « Việt Nam cổ-văn-học sử » (1) ông Nguyễn-Đồng chi đã viết; « Công việc của người xưa làm, lời của người xưa nói chẳng qua là những cái bóng. Phê bình lịch sử cũ, khen cái hay, chê cái dở có lẽ là một việc thừa... » Lời nói chí lý. Thi ra tư tưởng chua chát của một nhà triết học siêu việt như Lão tử nếu không nhất thiết là lãnh nhần nên không đi đến con đường hư-vô, thì vẫn có thể cung cấp cho ta được những ý nghĩa khoa học thâm trầm.

Thiệt ra trong lúc phê bình không thể không khen chê được, nhưng thái độ khách quan sẽ không

quên những điều kiện lịch sử trong lúc khen chê và không đề cho những cảm tình cá nhân, những quan niệm chủ quan ảnh hưởng đến sự phê bình.

Mấy năm gần đây tư trào trong nước đã gây nên một khuynh hướng rất rõ rệt: là quốc sử đã được người trong nước đặc biệt lưu tâm đến. Một tác phẩm công phu như bộ sách ông Nguyễn Đồng Chi trong thời kỳ này, thiệt cũng là thích hợp cho sự nhu yếu tri thức của nước nhà. Mà cũng chính vì vậy mà nó phải đề khởi lên một vấn đề quan trọng đằng sau văn học sử: ấy là vấn đề phương pháp sử khoa.

Trước hết một ý nghĩ văn ám ảnh người đọc giả sau lúc đã đọc xong cuốn sách của ông Nguyễn Đồng chi: là cái tên bộ sách đã thỏa đáng hay chưa.

Câu hỏi ấy làm cho ta băn khoăn, là vì trong quyển sách này, tài liệu phần nhiều vẫn là những bài chữ hán của các nhà nho nước ta ngày xưa đã viết mà ông Đồng-chi hoặc người khác đem dịch ra bằng tiếng ta. Những tài liệu này, có thể nhận làm tài liệu văn-học việt nam hay không? Về vấn đề này, tôi không hiểu rõ ý ông Trần van Giáp trong lúc ông viết đầu bài tựa cuốn « Việt Nam cổ văn học sử: » « Cái tên sách Việt nam cổ văn học sử » đủ tỏ cho mọi người biết ông Nguyễn đồng Chi là người đặt kiến trông rõ hơn những người trước ông.. » Nhất là trên đoạn trên, cũng trong bài tựa đó, ông Trần đã cho ta biết rằng một sự lầm của các người đã viết sử trước ông Đồng Chi là họ đã đem những bài văn của các nhà nho nước ta ngày trước dịch ra rồi đem ra mà giảng giải và thảo luận để viết bộ: « Việt nam văn học sử » Ông Trần có ý nói rằng: thêm chữ « cổ » vào thì có thể gọi là tạm ổn chăng?

Có lẽ ông Đồng Chi cũng nghĩ như vậy, nên ông mới đặt tên sách ông là « Cổ văn học sử » Tuy vậy ông không nên quen rằng nếu như ngày nay, một người An-Nam viết văn Tàu thì áng văn ấy là phải liệt vào văn học Trung-quốc. Thi bao nhiêu tác phẩm của người An nam ngày xưa, viết bằng chữ Tàu cũng phải liệt vào văn học Tàu chứ! Mà sự

ĐỌC VIỆT NAM CỔ-VĂN HỌC-SỬ THANH TUYỀN

(1) Nhà in Hàn Thuyên — Octobre 1942.

thực là thế. Các nhà văn học sử nước Tàu họ vẫn hiểu như vậy. Tức như trong bộ «Trung quốc văn học sử khái yếu»-Thượng hải-Thương-vụ ấn thư quán 1931-Tác giả là Hồ hoài Thẩm cũng có chép những bài danh văn của các nhà nho nước Ta, nước Nhật-bản, nước Cao-ly nữa. (1) Mà người ta có thể làm như vậy là vì tuy tác phẩm của ta, nhưng văn học vẫn của người kia mà !

Nhìn thấy sự « cưỡng ép » đó, ông Đồng Chi đã cho ta biết rằng ông cũng đã « bán-khoản » vì hai lẽ. Mà lẽ chính là « văn chương chữ nghĩa » Và ông nói thêm : « Cái động-cơ của tôi làm quyển sách này chưa hẳn là ở chỗ chép sử văn học... » Vậy nhưng nếu cái động-cơ ấy không phải là chép văn học sử thì lại là một lý do phải tu chỉnh cá tên quyển sách trước đã. « Chưa đồ cổ », « sưu tầm văn chương của tiền nhân » là một việc; chép văn học sử lại là một việc khác. Mà trong hai công việc đó, việc nào cũng có lý thú, cũng có thể bổ ích cho nền sử học nước ta cả. Ngoài ra nữa, lại là phạm vi của những bộ môn khác. « Cúi tai gài trống dưới oai quyền người Tàu » hẳn không phải là hoàn toàn trách nhiệm của « cổ văn-học », nhưng chém Hoảng thao giết Ố-mã nhĩ, cũng chưa chắc đã là công trạng của văn, thơ, phú lục !

Một lẽ « bán khoản » của ông Đồng Chi nữa, là « sự thất-truyền ». Kể ra lời phản nân này cũng là « lời chung » của tất cả mọi nhà khảo cổ. Một sự nhận thức rất đúng với sự thực là như lời một nhà nân học nước Đức đã nói: « bao nhiêu văn đã viết từ xưa chỉ một phần là còn giữ lại ; trong những áng văn còn lại, lại chỉ có một phần là còn được người ta đọc đến ; và trong mấy áng văn đã được người ta đọc, chỉ có một phần là được người ta để ý » Câu nói trên đây, ứng dụng vào văn nước ta ngày xưa, lại có một ý nghĩa đặc biệt... Thì trong mấy thế kỷ trước đây, tiền-bối chúng ta đã viết ra được những tác phẩm gì là có tính cách văn-học việt nam ? Những tác phẩm còn lại là bao nhiêu ? Được đọc, được để ý đến là bao nhiêu ?

Sự thất vọng của ông Đồng-Chi về phương diện đó rất là uể hieu, Ông đã viết « Timet ra về văn-học ông cha ta ngày xưa... đã để lại một mối thất vọng cho con cháu ». Nhưng ta cũng không nên quên rằng : Một nhà sử-học chỉ có thể vận-dụng những tài liệu xác đáng hiện còn lại mà thôi. Cuốn sách « mếp » hay « gầy » không phải là vấn đề. Vấn đề chính là những tài-liệu đã vận-dụng có giá trị hay không ?

Ông Đồng-chi cũng có chỉ cho ta tám cái nguyên nhân sự thiếu thốn của nền « cổ văn học » đó (tr :

(1) Thường nên nói thêm rằng : trong bảy mươi tác phẩm của ta, tác giả chỉ nói đến tên lập thơ « An nam danh-nhan » thì trong bộ An-nam chí lược của Lê Tắc Ngoài ra chỉ trích dẫn có bốn câu trong hai bài thơ của Nguyễn-huy-Danh đời Hậu-Lê mà thôi.

17-19.) Có lẽ ông nên đem bảy mươi nguyên-nhan mà sắp đặt theo một hệ thống. Thì nếu như ta nhận rõ ý nghĩa tám điều ấy, ta sẽ thấy rằng ấy là ảnh hưởng của kinh tế, lịch sử và địa dư. Nói cho cùng : nếu văn nghệ nước ta trong mười mấy thế kỷ mà vẫn chỉ phát triển đến trình độ ấy, là cũng vì nền sinh hoạt trong phạm vi lịch sử, địa dư đã ép uổng tinh thần sáng tác của nhà văn nước ta chỉ có thể vận dụng trong một khuôn sáo chật hẹp của một nền kinh tế đơn giản. Văn nghệ là một xa xỉ phẩm ; nếu như quy mô kinh tế không dồi dào, thì nghệ thuật cũng khó bề tiến bộ. Tư tưởng một dân tộc, muốn nảy nở cũng cần phải trao đổi với các dân tộc khác. Mà một xã hội tiểu nông-nghiệp như xã hội nước ta ngày xưa ít giao dịch với nước ngoài thì lẽ tất nhiên tư tưởng phát triển cũng phải chậm trễ. Một mặt nữa nếu công nghệ không phát đạt thì tư tưởng cũng khó truyền bá và thâm sâu vào đại-chúng để có lực lượng dồi dào. Tâm hồn loài người vẫn chịu ảnh hưởng những điều kiện thuộc về phạm vi kinh tế học cổ nhiên, trí não ta không phải chỉ là hoàn toàn thụ động trong những điều kiện ấy, nhưng cái ảnh hưởng ấy là một sự thực. Một nhà viết sử, cần phải nhận rõ « quy luật tinh » của sử khoa, phải đi từ cụ-tượng lên trừu tượng, từ đối-tượng (faits) đến định-lệ (loi).

Trước lúc thảo luận đến nội dung bộ V. N. C. V. H. S. tôi muốn nói qua một câu về sự bài-trí cuốn sách. Về đoạn cuối bài tựa, ông Đồng-Chi có nói : « Bộ sách này chia làm ba phần... » Thành ra độc giả vẫn in-trĩ rằng cả ba phần ấy là ở trong cuốn này ; nhưng thực ra đây mới là phần thứ nhất. Như thế đáng lẽ trên trang IV là trương cáo bạch về các tác phẩm của tác giả ông cũng nên cho độc giả biết là còn hai cuốn nữa sắp xuất bản.

Riêng về phần thứ nhất này tất cả có mười một chương. Năm chương đầu thảo luận về điều-kiện phát triển của « cổ văn học » mấy chương sau là lịch sử phát triển nền « Văn-học » ấy theo từng thời kỳ một.

Trừ cái danh từ « cổ văn học » còn cần phải tu chỉnh lại ta có thể cho rằng nghiên cứu như vậy cũng là có phương pháp.

Duy cái đáng tiếc là trong hai phần này vẫn còn nhiều chỗ chưa được ổn-thỏa.

Chương thứ nhất xét về « gốc gác (?) người Việt Nam », là một bài tóm tắt rất sơ lược, về hình thể nước Việt Nam, về nguồn gốc dân tộc về sự sinh hoạt và chế độ xã hội nước ta ngày trước,

Chương II và chương III khảo cứu về cổ chữ (tiếng Nam và chữ viết, cũng vẫn quá sơ lược mà cũng vẫn không thấy có một câu kết luận gì cho rõ ràng về sự liên lạc giữa ngôn ngữ văn tự và văn học. Một cái bảng kê những đặc-tính của tiếng ta, (Xem tiếp trang 22)

(Tiếp theo)

Xá nhà vua ra kéo bằng.—
Xá lại là tôi, vua sai về phúc
tri sĩ nho Ở Bắc-ninh có
tên học trò, tên Lưu Bình
đỗ ba kỳ đệ nhất. Nào Lưu
Bình vào lĩnh y quan, cạp
đồng bằng vào đèn bái yết.

Lưu Bình (ra).—Thiếu
niên sơ đẳng đệ. Hoàng ân
đặc y hời. Tôi Lưu Bình thi
chiếm tam khôi, bổ chức
thừa thư trung cần học, Nào
bản bình lệ bộ theo ta về
bái tổ vinh quy lĩnh ý quan
bầm mạng đơn. trình, sách
tuần mã phần hồi gia nội—
ở lệ, cho con đem tin về
trước bảo bà con sắm sửa
trầu cau cơm nước rạng
ngày mai có quan tân khoa
họp mặt đến chơi nhà, đi
cho mau. Hạ

CHÂU LONG (ra ngậm) —
Thấm thoát ba thu có lẽ,

Tình hoài vọng kẻ sao
siết kẻ

Thân một nơi lòng ở một nơi.

Ngao ngán nỗi cánh hoa rơi,

Buồn thay nhẽ sương sa cánh lá rụng.

Trưởng đến câu yên duyên hòa lãnh

Trưởng đến khi vũ chỉ cầm hàn

Thùy giữ cộng do vàng nhưng kẻ khô khâm,
ngậm câu liễu đặc nhân lai thiên thượng cánh,
biển chiếu lưỡng nhân tâm; Bóng giăng bạc
soi chung người đôi ngả nỗi biệt ly, lòng càng
buồn bã, luống âm thầm biết thuở nào người
(nói sử) Thương ơi, tội nhớ nhà trong đám
bạch vân, năm canh trường những mười phần
chiếm bao. (văn theo câu trên)

Lệ (ra).—Bầm bà ông tôi đã đỗ, cho tôi đem
tin về trước, bảo bà sắm sửa trầu cau cơm
nước, rạng ngày mai có quan tân khoa họp
mặt đến chơi nhà, vui khi ấy bằng ba khi
trước. Bà hãy nghĩ tôi ra hầu ông tôi chẳng
bận việc. (Lệ hạ)

CHÂU LONG.— Mừng chàng Lưu đây đã thanh
vân tiến bộ. Công việc tôi đây đã vẹn tròn. Âu
là tôi khừ hán quy hàn, về phục mệnh cho
quan tôi được biết. (hát sắp). Ta tắm ao ta, ta
trở về ta tắm ao ta dù trong dù đục nước nhà
còn hơn (hạ)

CHÈO CỒ
TRÒ
LƯU
BÌNH
DU'ÔNG
LỄ

NG. X. KHOÁT
sao lục

DƯƠNG LỄ (ra, bảo đầy tờ
pha nước nôi nhữ Châu
Long, thờ giải)

HAI VỢ (ra).— Quan
đương đặc ý chỉ trung cớ
sao ra điều buồn bã.

DƯƠNG LỄ.—Hai bà ngồi,
ta nghe bằng vàng bác Lưu
Bình đã đỗ, sao Châu Long
chưa thấy về hầu. Tình ly
biệt càng thêm buồn bã.

VỢ CẢ.—Bác Lưu Bình có
đỗ chẳng nữa cũng còn
chân lạng, thì nàng ba còn
ở thu xếp cho công việc chu
tất rồi sẽ về, quan việc gì
mà buồn.

VỢ HAI.—Thưa với quan,
còn chúng tôi ở nhà không
phải là vợ quan hay sao!

ĐẦY TỜ (ra).— Bầm quan
con trông thấy bà ba con về
ở vắng xa.

DƯƠNG LỄ.— Thực hờ
con?

CHÂU LONG (ra hát sắp).—
Nhắc thấy nẻo xa, bông
hồng nhắc thấy nẻo xa,

xuân lan thu cúc mận mà cả dôi (nói) Lạy
quan thiếp đã về hầu.

BÀ CẢ (mừng).— Bác Lưu Bình đỗ, em đã
thu xếp xong rồi mà vội về sớm ấy.

DƯƠNG LỄ.— Từ khi em đi nuôi bạn, vàng
thời đã hết mấy thoi, sao không ở bên ấy cho
công việc hẳn hoi, về chi chốn chồng chung
vợ chạ.

HÈ.— (nói với bà hai) Bà ba tôi đi nuôi bạn
về lẽ ông tôi, không cú được đâu.

BÀ HAI.— Người ta đi xa đau lưng không cú
được chứ làm sao.

HÈ.— Thưa bà không phải là đau lưng,
nhưng tôi xem thất lưng ngán lại, lòng mảy
bà tôi đứng chơm chớm, giẽ có khi...

CHÂU LONG.— Lạy quan chẳng xét tình cho
thời chớ, tấm lòng ngay ở với quý thần. Quan
sét cho muốn dôi ơn phần. Dù ngờ vực chơi
cùng ai đó.

VỢ CẢ.— Quan xem em đi thành công chẳng
thường thời chớ lại còn nghi. Bụng Châu Long
như sắt dôi nào có thể.

DƯƠNG LỄ.— Ta thử nàng mà chơi tấm lạng
nàng anh đã biết rồi mười lạng vàng gọi là

thường công mừng mặt. Quan anh đồ nằng thời đi mất, dạ biệt ly đốt cháy gan vàng—Hề đồng! cho con sang bên ấy xem quan bác ra điều buồn bã con liệu nhờ vào nói giải ra (gọi một hề đồng nữa) Cho con đem sang vóc đại trào một tấm, cùng là ngân tử đôi thoi khi nào nhàn hạ mời quan bác sang chơi ông tôi còn bận chữa sang chơi được (hạ tất).

LƯU BÌNH.—(ra, hồi lễ) Con đem tin về nhà thế nào bảo bà con đã sắm sửa chưa?

LỄ.— Ông cho tôi đem tin về nhà bà tôi đi đâu không thấy. Hồi thăm hàng sớm mừng sáu bà tôi eòn đi chợ mua quà chia cho trẻ, mừng bảy ngày thất bát vãng, mừng tám ngày bát bát quy, mừng chín ngày lễ, bà tôi đi đâu ngày mười.

LƯU BÌNH.—(than) Con khó nhọc cùng ở với nhau, lúc vinh hiển sao nằng nở bỏ. Biết nhau để cho rồi nhau. Ra vào tưởng tượng trước sau mấy lần.

NGƯỜI NHÀ DƯƠNG LỄ GIẢ LÀM NGƯỜI HÀNG PHỐ.—Bầm lấy quan lớn, chúng tôi là kẻ hàng phố xin vào nhập môn hầu hạ, trông ở trên mở rộng lòng thương, ngày hôm qua tôi đi qua quán Nghinh-Dương thấy một người thiếu nữ phi thường, cỡi mây gió bay lên thiên thượng, hình dung tưởng tượng mắt tôi trông thấy nhớn tuyền.

LƯU BÌNH.—(‘han) Kiếp tiên chẳng ở với trần, biết nhau để rồi muôn phần cho nhau. (văn theo câu trên)

NGƯỜI NHÀ DƯƠNG LỄ (đem vàng vóc vào mừng).—Bầm quan lớn, tôi là người nhà quan Dương Lễ quan tôi nghe thấy ngài đồ, quan tôi mừng lắm, cho tôi đem sang vóc đại trào một tấm cùng là ngân tử đôi thoi, khi nào rồi mời quan lớn sang chơi quan tôi còn bận chơi được.

LƯU BÌNH (cười).— Thế mới biết bần cư trung thị vô nhân vấn, phú tại sơn lâm hữu khách tầm. Của ngài mang sang ta đa tạ hậu tình, tâm tao lĩnh cho đem về giả cả.

NGƯỜI NHÀ DƯƠNG LỄ.— Vàng (hạ)

LƯU BÌNH.— Trong ba năm trước ta sang chơi không hỏi, thật là giàu chuộng khó vong. Ta nhờ phúc nhà đã được hiển vinh. Ta sang xem tình bạn cũ (đi).

DƯƠNG LỄ.—(ra) Em mong tới đó lại gặp anh đây, anh em ta trở lại lâu tây, rồi ta sẽ cùng nhau đàm luận (hai người về đình ngồi uống nước nói chuyện)

DƯƠNG LỄ.— Trong ba năm trước quan bác bận việc chi không sang chơi cùng em đó.

LƯU BÌNH.— Trong ba năm trước em có sang chơi hiện có tiểu đồng nó biết.

DƯƠNG LỄ.— Tiểu đồng! sao quan bác sang chơi mà không bẩm.

(Tiểu đồng toan nói nhưng Dương Lễ đưa mắt).

DƯƠNG LỄ.— Dám thưa quan bác, quan bác xem thầy tớ tôi đồ lẫn cho nhau, quan bác đừng chấp chi tiểu sự. Chị tôi ở nhà được mấy anh chiêu chị ả?

LƯU BÌNH.— Thưa quan bác em có lấy ai đầu trong ba năm trước em sang chơi quan bác, em về qua quán nghinh dương, thấy một người thiếu nữ phi thường đem vàng đến giúp công giúp của, trong ba năm cùng ở với nhau ngọc không vết gương nào có bụi. Em ứng thi nằng cũng theo ra. Em đăng khoa nằng bỗng tềch chừng; quán nghinh bạch nhật phi thăng hiện có tên tiểu đồng trông thấy.

DƯƠNG LỄ.— Tiểu đồng, mày có trông thấy thế có thực hay không?

TIỂU ĐỒNG.— Bầm thực tiên, tiên nhớn, tiên bé, tiên mẹ, tiên con, tiên đồ như son, tiên vàng như nghệ, tôi thấy cô tiên mặc áo bồ nâu bay lưng chừng giới, cô tiên nhớn kêu *ti hâu* cô tiên con kêu *nhiep nhiep*.

DƯƠNG LỄ.— Mày nói láo, thế ra điều hâu bắt gà ả.— Dám thưa quan bác tiên thường thường vẫn xuống giúp người nhân gian. Người giúp rồi người lại tái hoàn. Quan bác chấp chi tiểu sự. — Tiểu đồng vào nhà trong mời bà ba con ra tiếp khách.

CHÂU LONG.—(hát sấp) Ngăn vách cách tường nào những khi ngăn vách cách tường, huê về vườn cũ bướm còn ngẩn ngơ. Ngao ngán đợi chờ xin ai đừng ngao ngán đợi chờ những người thừa cũ bây giờ là ai?—(nói) Dạ dám thưa quan bác, quan bác sang chơi bên này, chị em tôi có coi trầu đầy ra mừng quan bác.

LƯU BÌNH.—(Trông thấy Châu Long biết là Dương Lễ có lòng thương vội quỳ xuống lễ).— Không ai ngờ anh chị ở với em như thế, em làm nên cũng bởi quan anh, biết lấy chi đa tạ hữu tình. Sẵn y mao em lấy đầu lễ tạ

DƯƠNG LỄ.—(dắt tay lên) Em khen ai khéo tạc bề hồ, bao nhiêu cá cả thu về một mạn. Tôi Dương Lễ hết lòng vì bạn, nằng Châu Long ra

(Xem tiếp trang 21)

CHÚNG tôi có thể viết một bài khảo-luận dài về tiểu-thuyết hiện-đại là một thể văn có thể gọi là phong phú nhất ở nước Pháp ngày nay. Hoặc bắt chước *André Rousseaux* hay *Bernard Fajj*, chúng tôi sẽ nói đến từng nhà văn một: Jacques Chardonnès hay là sự bí-mật tình vợ chồng, Mauriac hay là sự bí-mật đạo Gia-Tô... Hoặc bắt chước *Albert Thibaudet*, chúng tôi sẽ chia tiểu-thuyết ra từng loại: tiểu-thuyết của khoái lạc, tiểu-thuyết của đau thương... Hoặc bắt chước *Daniel Morne*, chúng tôi có tìm cái vĩnh-viễn trong sự thay đổi, to ra rằng tuy mới lạ, văn-chương hiện-đại vẫn chỉ là phản-ảnh con người muôn thuở.

Nhưng làm như thế, đối với độc-giả Việt-Nam có nhiều lẽ không hợp. Cái đẹp ở tiểu-thuyết không ở cốt chuyện ly-kỳ mà ở cách hành-văn, ở những chi-tiết nhỏ gọi trong lòng kẻ đọc nhiều cảm-tình, mang họ vào những non nước khi-hậu mới lạ. Cái đẹp đó khó mà thưởng-thức được nếu không đọc nguyên-cảo hay ít ra một bản dịch tài-tình. Bài khảo-cứu công phu đến đâu, lý-luận tinh-vi đến bậc nào cũng thế thay thế được sự trực-tiếp với bản văn. Khảo-cứu, lý luận chỉ có ích khi nào độc giả đã làm quen với tiểu-thuyết Pháp, đã có một ý-niệm về tiểu-thuyết Pháp. Ý niệm đó có không? Từ trước đến giờ mới chỉ có một bản dịch của ông Đỗ-Đình là dịch tiểu-thuyết hiện-đại, cuốn *La Porte étroite* của *André Gide*.

Vì thế cho nên muốn giới-thiệu văn-chương Pháp hiện-đại, chúng tôi lại xin dùng cách trước đây đã dùng để nói tới cuốn *M. des Lourdes* của *Alphonse de Chateaubriant*: tóm-lắt câu chuyện, dịch những đoạn văn hay để cho độc-giả có một ý-niệm rõ ràng.

...

Có ba cuốn tiểu-thuyết mà những ai muốn hiểu qua một chút về văn-chương Pháp hiện đại cần phải đọc đến. Ba cuốn sách đó chẳng phải là những tác phẩm hay nhất. Giá trị tuyệt-đối của chúng, các nhà phê-bình vẫn còn chưa đồng ý. Nhưng ai ai cũng công nhận rằng mấy quyển truyện đó đã mở cho tiểu thuyết Pháp cận-đại ba con đường mới có thể đưa ta đến những phong cảnh lối đẹp dị-kỳ.

Trong khoảng ham-nhắm nam giới, từ trận đại-chiến trước đến trận đại-chiến nay, văn-chương Pháp ở vào một thời-kỳ thật là đặc-biệt. Nếu phải dùng một danh-từ gọn ghẽ để đặt tên cho quang thời-gian văn-học đó thì các nhà sử học sau này

== BA CUỐN ==

TIỂU-THUYẾT

PHÁP HIỆN ĐẠI

LÊ HUY VÂN

lắt phải bối rối to. Vì trong khoảng một phần tư thế-kỷ, chưa có một khuynh-hướng nào vẽ ra thật là rõ-ệt, chưa có một văn-phái nào có đủ sức mạnh để hội-hợp nguyện-vọng của các nhà văn. Chủ-nghĩa *Dadaïsme* đã có một hồi được thế-hệ thanh niên sau trận đại-chiến 1914-18 hoan-hô, nhưng khẩu-hiệu của chủ-nghĩa đó lại là hai chữ « phá-hoại ». Mà đời sống của nhóm *Dada* cũng chẳng lâu lại gì, chừng khoảng ba bốn năm thôi.

Có người cho rằng cuộc tàn sát ghê gớm trong bốn năm liền ở Âu-Châu đã làm khủng-hoảng tinh thần dân-tộc Pháp. Nói thế cũng có một phần đúng. Nhưng chính thực ra thì nguyên-nhân của sự khủng hoảng là ở sự thay đổi những tư tưởng căn bản, những điều mà người ở thế-kỷ thứ mười chín thờ kính tôn trọng.

Khoa-học không còn được coi là ông tử độc-nhất có thể coi giữ được ngôi đền sự Thật. Ngày xưa thì người ta tin rằng những định luật, những công thức chi phối tất cả thế gian. Nhưng ngày nay thì vòng hoạt động của chúng bị thu hẹp lại trong những hiện tượng do trí não giải thích riêng biệt ra. Những lý thuyết mới đến đánh đổ các lý thuyết cũ càng làm cho người ta thấy Khoa Học còn phải dày công mới giảng được hết sự sống phức tạp cùng thế giới quanh ta. Những sự phát minh về nguyên tử, những giả-huyết về luật tương-đối mở mắt các nhà văn cho họ thấy rằng Khoa-Học không phải là một thứ đồ dùng ai cũng có thể cầm lấy được.

Áp dụng phương-pháp khoa-học vào văn-chương như các bậc tiền-bô đã thêm một trò cười.

Cùng một lúc, triết-lý làm nghi ngờ sức mạnh của tri-tuệ, không phải cứ dùng trí mà biết được hết, còn phải có trực-giác. Và tri-tuệ với ý-thức chỉ là một phần nhỏ của tâm-hồn. Tiềm thức với vô-ý-hức quan-trọng bằng kém mà có lẽ đó mới là linh hồn con người. Cao-vọng các nhà văn lớp trước xét tâm lý theo những luật tiến hóa của

khoa-học chỉ là ảo-vọng. Durkheim, Levy-Bruhl đã bày tỏ rõ ràng rằng ảnh-hưởng của xã-hội rất lớn; nhất cử nhất động của ta đều bị xã-hội kiểm tỏa.

Bao nhiêu giá-trị tinh-thần căn-bản từ trước đều bị sụp đổ. Các nhà văn hoang mang thấy rằng mục đích của nghệ-thuật chỉ còn có mỗi một: cố làm sao diễn-tả cho trọn vẹn nhân-tính của mình. Nhân tính đó mỗi người mỗi khác cho nên văn-nghệ mỗi nhà văn mỗi khác. Văn-phái vì thế không có nữa. Quang-cảnh làng văn Pháp thành ra có vẻ hỗn-độn phức-tạp.

Sự hỗn-độn, phức-tạp đó lại càng rõ rệt trong loại tiểu-thuyết. Tiểu-thuyết vốn là hình-ảnh của sự sống. Về sống đã vạn-trạng thì tất tiểu-thuyết cũng phải thiên-hình.

Ngày nay người ta mới tìm ra một đất mới, một cách khai khẩn mới thì thế tất phải vạch ra nhiều đường mới để lợi dụng hết những chỗ mới phát-minh.

Nhưng vết đường xưa cũng vẫn hấy còn. Tiểu-thuyết viết theo lối cũ vẫn chưa mất hẳn. Những nhà văn của thế-hệ trước còn sót lại cũng nhiều. Paul Bourget vẫn còn được trọng vọng vì những tiểu-thuyết có luận-đề đầy khuynh hướng tôn-giáo. Maurice Barrès vẫn là tiêu-biểu cho phái thủ-cự. Anatole France vẫn viết lối văn tài-tử.

Các nhà văn đứng tuổi thì ưa viết tiểu-thuyết theo lối xưa. Édouard Eslanné, Mauriac, André Thérive đều cố tả những bản-khoản của tâm-hồn nhiệm-đạo. Henri Duvernois nhẹ-nhàng tả xã-hội đương-thời. Léon Lemoumier, Eugène Dabit quệt những bức tranh về đời sống dân chúng.

Alphonse de Châteaubriant, René Boylesve, Édmond Jaloux, Maurois, hai anh em Tharaud vẫn xây những câu chuyện theo lối ngày xưa. Ngay đến tiểu-thuyết vui vẫn còn có người chuộng: Courte-line Tristan Bernard, Marcel Aymé nhẹ-nhàng, châm biếm.

Muốn tìm những luồng nước mới thì phải tìm đến thanh-niên.

Cuộc Âu-chiến 1914-1918 đã diễn ra trong bốn năm giới một cuộc tàn-sát ghê gớm. Bao nhiêu cuộc đời bị ngút đứt nửa chừng. Cái chết lúc nào cũng luẩn quẩn bên mình. Thành ra sau khi đánh nhau vừa rút thì mọi người đều nghĩ đến sống.

Phải sống đã, sống làm sao cho riết-đề không để lãng phí một phút nào. Người thì cố đi tìm lại những thú giờ đã mất; kẻ tả lại cuộc sống huy-hoàng ở những nơi trời xa đất lạ, kẻ đưa độc-giả vào những cuộc phiêu lưu vô-tận; kẻ gọi lên những thế-giới

DANH-VĂN NGOẠI-QUỐC

KHÁCH-QUAN VÀ CHỦ-QUAN

GIỮA một tác phẩm khách quan và một tác phẩm chủ quan, sự khác biệt không phải là ở tinh chất, mà chỉ là ở ngoài mặt và ngẫu nhiên thôi. Bất cứ một sáng tác mỹ thuật nào trước hết cũng là chủ quan. Như chính Corot đã nói, phong cảnh mà ông ta nhìn chỉ là một trạng thái tâm hồn của ông ta. Những nhân vật có danh tiếng của kịch nghệ Hi-Lạp hoặc Anh-cát-lợi mà chúng ta tưởng là có một sinh hoạt riêng và độc lập, không liên can gì đến nhà thi sĩ đã tạo ra chúng, nếu ta đi tới phân tích tinh vi cuối cùng thì thấy chúng chỉ vẽ bộ mặt những nhà thi sĩ ấy mà thôi, không phải bộ mặt mà những thi sĩ ấy tưởng họ hết như vậy, nhưng bộ mặt mà họ cho là không giống họ...

Bởi vì không bao giờ ta thoát ra khỏi được ta, và cái gì được tạo nên cũng trước hết đã có ở trong người sáng tạo. Tôi còn có thể nói rằng một sáng tác bề ngoài càng có tính cách khách quan bao nhiêu thực ra lại càng chủ quan bấy nhiêu. Shakespeare có lẽ đã gặp Rosencrantz và Guildenstern ở trong những phố trắng của thành Londres và trông thấy những dây tơ của những nhà kinh dịch thách đánh nhau ở đầu đường, nhưng Hamlet chính là ở tâm hồn ông và Romeo ở trái tim ông ra. Những nhân vật ấy là những yếu tố của tinh chất ông đã được ông đem cho một hình huệ hiện, là những sức số đầy sấm sét ở bên trong ông mạnh đến nỗi ông phải sợ nó nảy nở ra, không phải ở trên cao lơ lửng của đời thực, vì ở trên đó những sức số này sẽ phải gò eo hẹp lại, bị cản trở và không được hoàn toàn phát triển, nhưng trên cái thế giới tương tượng trong đó tình yêu thay này nở đẹp đẻ của nó trong sự chết, trong đó người ta đắm ke to mò qua một cái màn, người ta đánh nhau trên một cái mả mới, ông vua cô tội uống máu của mình, và dưới ánh giăng khi tờ khi mờ, từ thành này đến thành nọ, thay hiện

ra bóng ma thương yêu của một người cha.

Sự tác động, bởi các bờ lũy của nó, sẽ không cho phép Shakespeare được biểu lộ hoàn toàn thỏa mãn. Bởi chưng tác giả không hành động gì nên mới có thể làm được tất cả; bởi chưng tác giả không bao giờ nói đến mình trong các vở kịch của mình nên những vở kịch ấy làm cho ta thấy rõ tác giả, và khiến cho ta biết cái thiên chất thực và năng tình của tác giả rõ hơn là những bài thơ lạ lùng và lý thú trong đó tác giả phô trần cái kho tàng bí mật của trái tim mình cho những mắt sáng láng trông thấy.

Thực như vậy, hình thức khách quan chính lại có tính cách chủ quan nhất. Người ta khi nói về mình ấy là thôi không còn là mình nữa. Các bạn hãy cho họ một chiếc mặt nạ, họ sẽ nói sự thực.

Oscar Wilde

(Intentions: The critic as artist)

ĐINH GIA TRINH dịch

CHÚ DẪN

Corot (1796-1875): họa sĩ pháp chuyên vẽ phong cảnh.

Shakespeare (1564-1616): kịch sĩ Anh-cát-Lợi Hamlet và Romeo: Hamlet là nhân vật chính của vở kịch Hamlet, một thanh niên mơ mộng, ưa triết lý, lúc ưa trầm ngâm, lúc sôi nổi. — Romeo là một nhân vật chính trong vở Romeo and Juliet (chàng Romeo và nàng Juliet), một chàng si tình, sau cùng chết với Juliet. Hai vở kịch Hamlet và Romeo and Juliet đều là của Shakespeare.

Tình yêu tìm thấy này nở đẹp đẻ của nó trong sự chết: nói về Romeo và Juliet chết vì tình.

Người ta đắm ke to mò qua một cái màn... những lớp trong kịch Hamlet.

(Xem tiếp trang 21)

mộng ảo huyền-hồ hay những cuộc đời thơ-mộng của dân quê.

«Tìm hết cách sống» đó là nguyện vọng thầm kín hay rõ rệt của thế-hệ giữa hai trận đại-chiến.

Người đầu tiên đứng ra dạy người ta đi tìm lại những quãng thời giờ đã mất là Marcel Proust.

Cuốn «Du côté de chez Swann» của ông có ảnh hưởng rất lớn trong văn giới. Theo đó các nhà văn mới đua nhau viết những truyện trắng giăng đại hải (theo nghĩa đen) để làm sống từng quãng lịch sử (như Roger Martin du Gard, Jules Romains, Duhamel, Jacques Chardonne), lịch sử một gia-đình hay một thế-lệ.

Nhưng quá-khư dù có bị thời-gian làm mờ những đường viền đi chẳng nữa cũng vẫn còn là sự thật. Cho nên có những tâm hồn bất mãn đi tìm những thế-giới huyền-ảo để sống hay quay lại cuộc đời đầy thơ mộng của dân quê Alain Fournier với cuốn Le Grand Meaulnes đã đưa người ta vào cõi thơ. Ảnh hưởng của ông không nhỏ vì sau ông có Jean Giraudoux, có Alexandre Arnoux, Ramuz, Glono, Chamson, Delleil.

Tuy vậy người được nổi danh nhất có lẽ là André Gide. Tập les Noarritures Terrestres của ông từng làm sách gối đầu giường cho thanh-niên. Cuốn tiểu thuyết Les Caves du Vatican như thúc-dục người ta phiêu-lưu sống lại cuộc sống hoàn-toàn. Vì đó mới có những nhà văn như Pierre Benoit, Louis và Marc Chadourne, Pierre Mac Orlan tả những cuộc đời giang-hồ vì đó Valéry Larbaud, Paul Morand, Luc Durtain mới tả những bờ xa bên lạ, Malraux mới đưa ta sang sống với những tay cách-mệnh Trung-Hoa.

Đó là không kể những văn-sĩ như Henri Hirsch, Louis Philippe, Francis Carco tả rành rọt cuộc đời của những tay trộm cướp, dĩ hợm; như Jean Cocteau, Radiguet, Jean Cassou tả cuộc sống của những người không còn nhân-tính nữa.

Nhưng có một điều nên nhận là ba cuốn sách có ảnh-hưởng to tát tới tiểu-thuyết Pháp hiện-đại mà chúng tôi vừa nói tới trên đó đều viết trước hồi đại-chiến. La Grande Meaulnes xuất bản năm 1912, Les Caves du Vatican năm 1914, Du côté de chez Swann năm 1913. Chiến tranh đã có hiệu-quả là thu góp để làm nổi rõ những khuynh-hướng lãng-vãng trong không khí từ lâu, cũng như một tiếng động lớn, ở các mền núi cao có tuyết, có thể làm mất thăng bằng những tảng băng chèo leo bên sườn núi, đổ xuống vùi lấp cả một vùng.

Chúng tôi sẽ lần lượt nói đến mấy cuốn sách đó trong những số sau.

LÊ HUY VĂN

ÉT PHÁP HIỆN ĐẠI

BA CUỐN TIỂU THUY

MỸ-TÙ'-PHÁP TRONG VĂN CHU'ONG PHÁP VÀ VIỆT-NAM Vũ bội Liêu

IV

Nụ cười ranh-mãnh tạo nên bởi những cái bất ngờ.

NHƯNG sự tài tình nhất trong vầu hài hước là
lối lấy những cái bất ngờ để trào phúng.

Một anh chàng kia ngu dốt lại muốn viết một
bức thư thật văn chương để gửi cho người mình
thâm yêu trộm nhớ. Không viết lấy được, anh ta
phải mua một quyển sách giấy viết thư, trong có
đủ các bài kiểu mẫu, lại có sẵn cả mẫu thư cậu viết
cho cô, và thư của cô giả lời cậu. Anh chàng chép
nguyên văn một bức thư trong ấy, thì vài hôm sau
nhận được giấy giả nhời văn tất có mấy câu :
« Thừa ông tôi đã nhận được thư của ông rồi, ông
cứ giữ trang bên kia sẽ thấy bài giả lời ». Thư
ra cô ả cũng có quyển sách ấy, và đã đọc cả bài
gửi và bài giả nhời trong đó.

Alexandre Dumas fils một hôm dự tiệc ở nhà bác
sĩ Gistal. Tiệc tan bác sĩ xin nhà văn mấy chữ thủ
bút làm kỷ niệm. Tác giả « Trà hoa nữ » (La dame
aux Camélias) không nghĩ ngợi viết liền :

Khen cho bác-sĩ đại tài.

Một tay cứu vớt bao người đau thương.

Nhà nước quyết phá nhà thương.

Chữa bệnh giỏi quá đến nỗi trong lĩnh không còn
ai cần phải đến bệnh viện nữa. Nhà thương hóa
ra vô ích, nên nhà nước quyết đem phá đi. Đối
với một vị bác sĩ, còn có nhời khen nào bằng ? Gis-
tal thích chi quá vội kêu : « Gớm, ngài cứ dạy quá
lời » Alexandre Dumas fils lại thần nhiên viết nối :

Đề xây hai cái nghĩa trang thay vào.

Lối hài hước ấy chính là lối của ông nghệ Tân
ngày xưa. Nhân cụ Nguyễn công Trứ mới sinh hạ
một cậu con trai, ông Nghè viết bài thơ này mừng
bạn :

Mừng ông nay mới đẻ con trai

Thực giống con nhà chà giống ai.

Mong cho hồng nhơn mà ăn cướp.

Lạ chưa ! Ai lại chúc con một ông Thượng thư
nhờ lên đi ăn cướp bao giờ ! Một người sùng sốt
thi ông nghệ lâu đọc tiếp :

Cướp lấy khỏi nguy... ắt mới tài.

CÁC LỖI HÀI H VÀ CÁCH PHẢN

Lại một hôm nữa, có ba anh em nhà kia đều làm
đến bố chánh, án sát và tri phủ làm lễ thọ mẹ. Ông
Tân ăn mặc giả nhà quê, xin vào xem câu đối;
xem câu nào cũng bịt mũi. Người nhà bắt làm một
bài thơ thật hay mừng bà cụ, nếu không sẽ phải
đón. Ông nghệ nói phải dọn cho ông một mâm cỗ
thật to, và con cả mài mực, con thứ hai bưng nghien
và con thứ ba cầm bút- thì ông mới làm thơ. Cơm
dọn ra, ông nghệ cứ điềm nhiên ngồi uống rượu mọi
người đều sốt ruột, sau mãi ông mới ung dung đọc:

Lão bà phi thị nhân

(bà lão này không phải là người)

Cụ cố sinh ra ba ông quan mà lại bảo không phải
là người thì là gì ! Ai nấy đều tức giận đã bảo nhau
đánh cho thẳng hồn sực ấy một trận rừ đòn thì
uống hết một cốc rượu, ông lại đọc nối :

Đảng văn giá vũ giá phạm trần

(đi mây đi gió xuống phạm trần).

Mọi người thở một hơi dài như trút được một
gánh nặng. Uống cạn một cốc rượu nữa, ông lại
viết tiếp.

Sinh hạ tam nam giai tổ tặc

(để được ba người con đều làm giặc cả)

Ai nấy ngờ ngác nhìn nhau, thì một lúc lâu, ông
mới viết nối :

Đoạt chiếm bàn đào hiến mẫu thân.

(Cướp lấy bàn đào trên động tiên đem về
dâng mẹ).

(Trích theo Đông Pháp)

— Xưa có một thầy đồ vẽ ảnh cho một ông quan,
quan lại muốn bác đề cả bài thơ. Bác liền viết
luôn bốn chữ :

Chân Lão Cầm Thú

(Thực) (đồ cầm thú già).

Không nói chắc ai cũng tưởng tượng được sự
tức giận của ông quan lên đến thế nào. Nhưng nhà
nho thần nhiên viết nối vào, vì đây chỉ là bốn chữ
đầu của một bài thơ tứ tuyệt. Thật ra bài thơ như
thế này.

Chân tể tướng (thực quan tể tướng)

Lão trung thần (bác trung thần già)

Cầm chi phượng (như con phượng đứng đầu
loài cầm).

Thú chi lân (như con kỳ lân đứng đầu loài thú)

ƯỚC CỦA NGU'Ò'I PHÁP VÀ NAM N NGŨ' TRONG VĂN CHU'ONG

— Thư sinh kia ở trước cửa nhà một lão trọc-
phú ngu dốt, mà lại kiêu căng, Tết năm ấy muốn
chê nhạo anh nhà giàu, nhà nho dán đôi câu đối
này ở ngoài cửa :

Gia trung vạn quyền thư

Môn ngoại tam can trúc.

(Trong nhà có vạn quyển sách, đằng trước có ba
cây trúc) có ý mỉa anh nhà giàu chả có một tí
nhữ nghĩa nào cả. Có người giảng cho biết thư
sinh kia nhạo báng mình, anh ta liền đem chặt
ngắt những cây trúc ấy đi. Nhà nho thần nhiên
thêm vào mỗi vế một chữ :

Gia trung vạn quyền thư trường

Môn ngoại tam can trúc đoản.

(Trong nhà có vạn quyển sách dài, đằng trước
cửa có ba cây trúc ngắn). Trọc phú tức quá, lần
này đem nhổ hết hàng rào trúc đi, nhà nho lại
thêm :

Gia trung vạn quyền thư trường hần

Môn ngoại tam can trúc đoản vô.

(Trong nhà có những vạn quyển sách dài, đằng
trước không có được đến ba cây trúc ngắn
(theo Nguyễn công Hoan).

— Ai cũng biết những tin đồ đạo Lão và đạo
Khổng thường hay chỉ trích báng bô lẫn nhau. Có
một người theo đạo Lão nhà có bức tranh vẽ ông
Lão từ ngồi nói truyện với đức Phật Thích ca, còn
đức Khổng Tử bỏ phước xuống đất mà nghe. Một hôm
muốn riều một nhà nho, ông kia chỉ vào bức vẽ, hỏi
nhờ đề hộ bài/ thơ. Nhà nho thần nhiên đề ngay:

Lão thị thuyết pháp

Phật thị đàm kinh

Khổng Tử văn chi

Tiểu nhĩ trụ địa

(Ông Lão từ thuyết pháp, đức Phật bàn kinh, đức
Khổng tử nghe thấy cười bỏ lăn ra đất).

(Theo văn đàn bảo giám)

V

Khi các nhà văn hài hước bằng lối « bốn chữ »

Vào hồi cách mệnh bên Pháp, có một người tên là
Martainville bị bắt giải ra tòa cách mệnh, vì ông
ta là một người bảo hoàng rất sốt sắng.

Quan tòa hỏi : Tên anh là gì ?

— Tên tôi là Martainville

— De Martainville, chứ ? (chữ de là phụ ngữ dùng
để trước tên các nhà quý tộc, như : Alphonse de
Chateaubrian, Duc de Richelieu v.v... Quan toà
có ý nói ; chắc anh là quý phái nưng anh bỏ chữ
de trước tên anh để lừa tôi chứ gì ? — Vì những
nhà quý phái hồi bấy giờ đều bị bắt và giải ra tòa
làm tội cả, và thường thường khó tránh được lưỡi
dao của đao phủ).

— Tôi đến đây để người ta cắt ngắn đi (raccourcir)
chứ không phải để người ta nối dài ra (allonger)
(je suis ici pour être raccourci et non pour être
allongé).

Ý nói tên tôi là Martainville thôi, sao ông lại cho
thêm chữ de vào cho nó dài ra. Vì chữ raccourcir
(cắt ngắn đi) còn có nghĩa là chém dần, cho nên
câu này ông Martainville muốn nói : « Tôi đến đây
để rồi thế nào cũng bị chém dần, ông còn nói lời
thôi làm gì nữa ».)

— Nếu thế thì làm rộng nó ra vậy (Alors qu'on
l'élargisse !) : có ý nói : nó không muốn nối dài ra
thì làm rộng nó ra vậy, nhưng chữ élargir còn có
nghĩa là thả ra cho nên chỉ vì quan tòa cũng muốn
« bốn chữ » như tội nhân, mà Martainville được tha
và thoát chết).

Bên ta những tỉ dụ về cách hài hước bằng lối tá
âm chứ thế rất nhiều:

— Ở Ninh Bình ngày trước có một ông quan làm
thơ lại sai thợ đục vào núi đá, sau lại còn đục cả
hai bàn chân vào đá nữa, cho nên thi sĩ Tả Đả
đã làm bài tứ tuyệt này đề riều :

Năm ngoài năm xưa đục mấy vằn.

Năm nay quan lớn đục hai chân

Khen cho đá cũng bền gan thật

Chịu được cho quan đục mấy lần.

— Một hôm, chồng là ông Puú Vĩnh tường đi
vắng, Xuân Hương nhận được cái đơn xin phép
mở bò liền phê vào đơn mấy câu này :

Chuẩn y quả việc tế thần.

Bằng gian báo thối ba lần xương ra.

Manh lóng đối trá cửa ta

Bà thì trọc tiết không tha một thảng.

Một hôm ông Hà tôn Quyền nhờ ông Trú đổi hộ một vẻ câu đối sau này, nói là mình không làm được, nhưng thật ra có ý châm chọc ông Trú. Câu đối ra thế này:

Quân tử ố kỳ nhàn chi trú. (Người quân tử ghét văn lờ lợt). Lại còn có nghĩa là người quân tử ghét ông Trú, ông Trú đối:

Thánh nhân bất đắc dĩ dụng Quyền (bực thánh nhân bất đắc dĩ mới dùng đến quyền). Lại còn nghĩa là: vua bất đắc dĩ mới phải dùng ông Quyền. Câu đối hay là vì chữ Quyền đối với chữ Trú, (hai chữ còn là tên người nữa) và câu dưới chữ lấy ở Tứ thư đối với câu trên chữ lấy ở sách «Trung dung»

— Một ông quan kia bắt một anh học trò phải đi phu. Người học trò trốn tránh, quan bắt vợ đi thay. Thư sinh chạy đuổi theo vấp ngã. Quan bắt lại ra cho câu đối. Câu ra rằng.

Phu là chồng, phụ là vợ, vì chồng, vợ phải đi phu. Câu này khó vì chữ phu trên là chồng, chữ phụ dưới lại nghĩa là phu phen. Người học trò đối rằng

Ngã là ta, nhĩ là mày, tại mày nên ta hóa ngã. Câu đối lại rất ài tình vì trên tìm được chữ ngã là ta đem đối với phu là chồng, dưới lại tìm được chữ ngã là té xuống đất đem đối với chữ phu là phu phen. Lại được cái ý hay là quan nói đến vợ chồng mà người học trò lại nói đến mày, tao, tuy rằng gọi vợ và tự xưng với vợ, nhưng lại còn ngụ cái ý ngạo-nghe mày tao với ông quan.

(Trích trong quyền Câu đối của Ng: văn Ngọc)

VI

Từ cái cười chảy nước mắt của Tú Xương đến cách mỉa mai bông đùa trong ca dao.

Nhà văn ai còn dùng lối « phản ngữ » (ironie) để tạo nên một cái cười mỉa mai chua chát. Có cái cười chứa chất sự phẫn nộ khinh bỉ như của Ruy Blas (trong vở kịch có tiếng của V. Hugo), khi được làm thủ tướng, một hôm vào phòng « Cơ mật viện » nghe thấy các quan thượng thư đang chia tay vợ vết thối má của cải trong nước, tranh nhau cãi nhau om sòm, ghen tị nhau vì người được nhiều được ít. Ruy Blas đã vào buồng hội nghị được một lúc mà không ai biết, nghe thấy hết cả, liền kêu lên rằng « xin chúc các ngài ăn uống cho ngon miệng ! Hỡi các vị thượng thư liêm khiết, hỡi các bực cổ vấn cao đức, ấy cách cáo ngài phụng sự tổ quốc như thế đó !... » Lại có cái cười điên rồ của kẻ tuyệt vọng như của Oreste trong kịch Andromaque của Racine. cảm ơn trời phật đã ban ơn cho mình, đã cố công cùng sức cho mình được hưởng được tất cả những điều đau khổ ở đời. Bị

người yêu ruồng bỏ, sau khi đã vì nàng mà phạm tội sát nhân, anh ta nói « Sự thống khổ của tôi thật đã được quá lòng tôi mong mỏi. Tôi chết thế này cũng không còn ân hận gì nữa. Số phận tôi như thế là đầy đủ lắm rồi ! »

Cái cười của Tú Xương cũng là một cái cười chảy nước mắt, cái cười chua chát của một nhà nho sống trong buổi giao thời. Mới cũ sung đột nhau để gây nên bao nhiêu tấn kịch bi thương, phong hóa mỗi lúc một suy, nhân tình càng ngày càng bạc, thi sĩ đã phải thốt lên tiếng kêu đau đớn:

Muốn mù giới chắng cho mù nhỉ

Giương mắt làm chi buổi bạc tình.

Lại thêm nỗi nghèo túng quanh năm, nhà lại bị tịch biên, mấy thước vườn hoang bán sạch. cơm không chạy nổi ngày hai bữa, mà vợ vẫn « quen thói cũ ba năm đôi. » Thi thi lộn mấy năm bị phạm trường quy, công danh lặn dần, cũng đành ở nhà ăn lương hàm chính thất:

Lương vợ ngô khoai tháng phát dần.

Vả lại nho học đến ngày tàn, trong thời buổi ấy, các nhà nho lại bị người ta rẻ rúng, chê cười rằng « hủ » !

Ngán nỗi nhà nho bọn hủ ta

Hủ sao hủ gồm hủ ghê mà !

Phen này cái hủ xưa đi hết

Cứ để cười nhau hủ mãi a !

Vì không chịu theo thời thế, cho nên phải sống một cảnh bần hàn đến nỗi « vợ phải lăm le ở vú con tấp tênh đi bời », cả thi sĩ nữa cũng tiếc rằng không chịu đi làm từ trước « chẳng phán không thông cũng cặn bời » Một lần khác ông lại viết :

Biết dày đi học làm ông phán

Sáng rượu sâm banh tối sữa bò.

Tác giả « Giòng nước ngược » có khi lại mỉa mai báng bổ cả thần thánh nữa.

Thánh bà mới biết linh thiêng thật

Gặp cái ô-tô kiệu đứng liền.

Và sau cùng đây là một vài tử dụ về lối trào lộng bằng cách phản ngữ trong ca dao :

— Làm trai cho đáng nên trai,

Ăn cơm với vợ lại nài cày niêu,

Làm trai rửa bát quét nhà,

Vợ gọi thì dạ : « bầm bà tôi đây ! »

— Đồn rằng quan tướng có danh

Cưỡi ngựa một mình chẳng phải vịn ai.

Ban khen rằng ấy mới tài.

Ban cho cái áo với hai đồng tiền.

Đánh giặc thì chạy trước tiên

Sông vào trận tiền cỡi khổ giặc ra.

Giặc sợ giặc chạy về nhà,

Giờ về gọi mẹ giết gà khao quân.

VŨ BỘI LIÊU

= KHÁCH QUAN VÀ CHỦ QUAN =

(Tiếp theo trang 17)

Lời lược bàn của người dịch.

Oscar Wilde chứng dẫn chân lý sau này: nhà nghệ sĩ khi sáng tác chỉ là biểu lộ cái bản ngã của mình. Bản ngã của ta có cái phần thực nôm na, nó là cái lịch sử thực của đời ta, những hành động trông thấy của ta; lại có một phần gồm bởi những mộng tưởng, những điều ao ước trong mơ. Người ta có bao giờ thực hành được hết các hoài vọng về trí thức và tinh tình đâu. Cuộc sống có «bờ lũy» ngăn cản cái tự do phóng túng của những mộng lớn và phiến phức. Cho nên khi ta sáng tạo trong mỹ thuật, ta ưa đem làm sống trong những nhân vật ta tạo ra những mơ mộng ấy, và làm sống trong hành vi của các nhân vật cái cuộc sinh hoạt mà ta mơ tưởng. Rousseau đã bất mãn về ái tình cho nên chàng Saint Preux trong thiên «*La Nouvelle Héloïse*», («*Nàng Héloïse mới*», tiểu thuyết của Rousseau) đã được yên và được sống một cuộc tình duyên éo le, tha thiết và êm ái mà tác giả không được hưởng hết.

Khi đọc kịch *Hamlet* và kịch *Romeo and Juliet*, người ta cho rằng Hamlet và Romeo là những nhân vật hoàn toàn được tưởng tượng bởi Shakespeare, không có liên can gì với tác giả. Thực ra thì Hamlet sống những băn khoăn về trí thức của Shakespeare và Romeo sống những mộng yêu đương của Shakespeare.

Khi mình tự kể lịch sử mình cho độc giả, khi mình nói: «*Tôi thế này .. tôi thế này...*» thì mình sao có tự cho mình được một địa vị phi thường và những hành động phi thường.

Nhưng nếu Shakespeare ăn vào trong cái vỏ của Hamlet và của Romeo thì «*cái người Shakespeare*» ngang tàng, uẩn mới hiển hiện ra được thì cái bản khuôn của trí thức trước cái hư không của cuộc đời mới quay cuồng sôi nổi được trong những trường hợp đặc biệt, thì cái mộng yêu tha thiết mới sống được qua thiên truyện đẹp nhất trong những truyện tình đẹp.

Còn một lẽ nữa: khi kể truyện mình, người ta không có can đảm nói những ý, những tình quá táo bạo, hoặc những tội lỗi. Nấp sau mặt nạ của một nhân vật không phải là ta, ta sẽ nói hết sự thực ở trong ta ra.

Tác giả không kể gì về mình cả, tác giả ăn mặt, thế mà thực ra tác giả đã được sống rộng rãi giấu mạnh qua những nhân vật tạo ra. Đó là ý nghĩa câu: «*Bởi chưng tác giả không hành động gì nên mới làm được tất cả*».

Xét như vậy thì những sáng tác bề ngoài có tính cách khách quan lại thành ra có tính cách chủ quan hơn hết thảy, hơn cả những tác phẩm trong đó tác giả kể lẽ truyện riêng của mình và xưng là tôi. Khiến Oscar Wilde đã nói được lời lạ lùng sau này: «*Người ta khi nói về mình ấy là thời không còn là mình nữa*»

ĐINH GIA TRINI

TRÒ LƯU BÌNH DƯƠNG LỄ

(Tiếp theo trang 14)

sức cùng chồng, anh Lưu Bình cố học gắng tâm, ba người ấy chép trong pho sử đề người đời lấy đấy làm ghi— (cùng hát đã trò) Đánh đồ đá vàng, trận mây mưa đánh đồ đá vàng thân sao nhờ bước, nhờ nhàng long dong bởi vì ai ngăn đón gió đông, được lòng kẻ ở đau lòng người đi, ngộ phải khi sóng gió bất kỳ, tưởng chi đến nguyệt tiếc gì đến xuân, giờ đã đầy vào sổ phong trần, sớm chưa chỉ có một lần mà thời dẫu làm sao gương đã vỡ rồi, đem thân mà trả nợ đời cho xong, em hãy còn lúng

túng trong phòng, chẵn loandem quế dốc lòng đợi ai, ngày còn xuân, tháng hây còn giai.

CHUNG

DÒI NAY

Avril 1943 sẽ ra:

GIAI PHẨM

một công trình đặc biệt về
≡ tinh thần và hình thức ≡

= ĐỌC VIỆT-NAM CỔ VĂN HỌC SỬ =

(Tiếp theo trang 12)

và mấy thứ tiếng ở lân-cận, là đáng chú ý hơn hết. Nhưng quan-điểm căn-cứ của ông Đồng-Chi quá sơ sài. Thí dụ như về giọng-đọc các thứ tiếng, ông Đồng-chi chia ra những thứ tiếng « có cao thấp lên xuống » và những thứ tiếng « không cao thấp lên xuống ». Nhưng thế nào là cao ? Là thấp ? Mà nói cho rõ thì tiếng nào lại không có những giọng cao thấp, lên xuống ? Về cách đặt câu : ông Đồng-chi chia ra những tiếng « hay đặt ngược », những tiếng « hay đặt xuôi ». Nhưng « hay » là thế nào ? Ông đã so sánh bao nhiêu « cas » ngược và xuôi ? Và tôi còn e rằng những « câu ngược xuôi » ở đây cũng như những « giọng đọc cao thấp » trên kia, nó chỉ là một vấn đề « đối đãi » (relatif). Tôi lại e rằng : một chú khách « hay đặt câu ngược » như trong bảng của ông Đồng-chi đã nói, lúc chú mới học tiếng các nước miền nam, thì chú cũng sẽ la lên : « A ha ! Chúng nó đặt câu trái ngược lên cả lơ » !

Một hôm, trong một chuyến Tàu, một người đàn bà Âu, nhìn mấy người an-nam tiện mĩa ăn, rồi bà ta nói nhỏ với một người an-nam ngồi cạnh rằng : « Rõ cái đất An-nam này ! Cái gì cũng trái ngược ! Thì chung tôi đây lúc cắt và tiện một vật gì, chúng tôi vẫn để cái vật chúng tôi muốn cắt vào giữa khoảng tay trái cầm đồ và tay phải cầm dao rồi cái dao chúng tôi sẽ trở sống ra ngoài và cắt từ ngoài cắt vào có phải « thuận » biết bao nhiêu ! ».

Người nghe câu chuyện — một người nhà quê — giả lời : « Thừa bà, người An-nam chúng tôi trong lúc nhìn các bà cắt bánh tây, họ cũng nói bấy nhiêu chuyện. Nhưng họ chỉ lấy hai chữ An-nam mà thế vào chữ Âu-châu trong câu nói của bà ; và sau lại họ cũng tả cái cách của họ cắt và họ bảo thế là « thuận » hơn ! Riêng về phần tôi, tôi muốn biết trong lúc người Âu chặt cây thì họ chặt thế nào ? Có đề cái cây vào khoảng giữa, rồi chặt « ở ngoài vào » cho « thuận » không ?

Câu nói có vẻ bướng. Nhưng nó cũng có ích cho ta trong lúc chúng ta phê bình tập-quán của các dân tộc khác.

Bây giờ nói giữ lại câu chuyện ngôn ngữ học, thì có lẽ ông Đồng Chi cũng nên chú ý đến những quan-điểm so-sánh khác như những danh từ rất thông thường mà trên một trình-độ rất ấu-trĩ, loài người cũng đã phải có, như là : tai, mắt, mặt mày, ... giờ, đất, ... chẳng hạn.

Sự cầu thả ấy, cũng vẫn còn dễ dàng nhận thấy trong lúc ông Đồng Chi chia thời kỳ dấn tiến của tiếng ta và phân loại các thứ tiếng ta đã mượn ở tiếng Tàu. Ông theo cái phỏng thuyết của H. Maspero mà chia lịch sử tiếng Nam ra làm năm thời-khả : tối cổ, tiền cổ, trung cổ, cổ và cận đại. Nhưng chỉ một chữ « cổ » ở đây cũng đã khó nói cho phân minh. Sự quan-hệ trong lúc chia thời-kỳ lịch

sử không phải là ở chỗ đem thời gian cắt khúc ra và găm vào mỗi khúc một cái tên thánh ; đều cần thiết là phải chỉ rõ đặc tính mỗi một thời-kỳ. Về lại H. Maspero đứng về phương diện phonétique (âm hưởng) chứ có phải là về tự-liệu văn học sử đâu ! Huống hồ một câu phỏng thuyết cũng chỉ là một câu phỏng thuyết mà thôi ! Cái phỏng thuyết ấy có đúng với sự thực không, mới là vấn-đề chính.

Quan-điểm ông Đồng Chi lúc ông phân loại các thứ tiếng ta đã mượn trong tiếng Tàu ra, cũng mập mờ như vậy. Những câu giải thích của ông không được rõ rệt.

Chương III nói về chữ viết nước ta. Về chương này, trong một số báo Tri-Tân, ông Nguyễn văn Tố đã cho ta biết cái « bảng chữ mượn » kia chính là chữ Thổ. Tôi chỉ muốn nói thêm rằng : về đoạn kết luận, sau lúc đã dẫn ý kiến Hoàng đạo Thành, ông Nguyễn đồng Chi có kết luận bằng một câu phỏng thuyết là xưa kia nước ta vẫn có văn tự. Nhưng cái lý do « nếu không thì « những việc cũ theo đâu mà ghi nhớ ? » cũng không có giá trị gì cho lắm. Người hoài nghi vẫn có thể nói : « Ấy, chính cũng vì không có chữ mà chuyện cũ chỉ lưu truyền bằng miệng, nên chi bấy nhiêu câu truyện truyền lại đó vẫn không có đảm bảo gì chắc chắn ! »

Hai chương thứ IV, và thứ V, là hai chương tóm tắt yếu rất sơ lược về lịch-sử tư-tưởng Tàu và Ấn-độ. Kề ra mấy trương giấy này, ghép vào trong một bộ sử Tàu, bộ sử Ấn-độ, cũng được cho vào một bộ thông sử châu Á cũng được ! Cnỉ hiềm một nỗi là quá sơ lược mà thôi ! Có lẽ ông Đồng Chi nên vận dụng bấy nhiêu tài liệu để vào những thiên sau mà giảng giải sự phát triển « cổ văn học » thì hơn ; thì quyền sách ông sẽ có vẻ nhất trí hơn.

Nói tóm lại trong năm chương đầu cuốn sách V. N. C. V. H. S. này, đáng tiếc là bấy nhiêu công phu của ông Nguyễn đồng Chi chưa đưa ông đi tới một cái kết quả mà chúng ta trông mong. Một lẽ là tại ông chưa đủ thì giờ để khảo cứu các bộ môn có quan hệ đến « cổ văn học » cho kỹ càng hơn ; một lẽ là tại ông chưa vận dụng những tài liệu các bộ môn ấy vào trong phạm-vi văn học sử một cách cho sát sòng. Nhưng cái lẽ chính là chính vì ông chưa đặt một câu giới thuyết cho rất phân minh về ý nghĩa ba chữ : « Văn học sử ».

Tuy vậy giá trị, công dụng bộ sách này trong trình-độ sử học nước ta ngày nay cũng không phải là ít. Chúng tôi sẽ noi đến phương diện này. Nhưng trước hết ta cần phải xét. nội-dung bộ sách này trong phần chính, trong sáu chương sau.

THANH TUYỀN

Ả. Q. KHÔNG những tên, họ, quê quán, đều rất mập mờ, mà đến «hành trạng» của va cũng không rõ ràng cho lắm. Số là người làng Mũi đối với Ả Q. xưa nay chỉ cần va làm công chỉ dùng va làm trò cười, ngoài ra không bao giờ chú ý đến «hành trạng» của va. Mà chính Ả

Q. cũng tự mình chưa hề bao giờ nói tới chuyện đó. Duy những lúc có cãi lộn với ai, thì va mới thỉnh thoảng trổng-ngược mắt lên mà tuyên-bố:

«Nhà tao trước kia, có bề có thể, so với chúng mày còn to bằng mấy kia a!...Thứ này, thắm vào đâu!»

Ả Q không hề có nhà cửa. Va trọ ngay trong tòa đền thờ-cốc. Va cũng không có nghề nghiệp nhất định; chỉ đi làm thuê, làm mướn cho người; ai thuê gặt lúa thì gặt lúa, thuê giã gạo thì giã gạo, thuê chèo thuyền thì chèo thuyền. Ngộ những lúc công việc kéo dài, thì va sẽ ngủ lại một vài đêm trong nhà chủ tạm thời đó, cho đến khi công việc làm xong là va đi ngay. Thiệt ra thì chỉ những lúc nào người ta có công việc bận bịu lắm, thì họ mới nhớ đến Ả Q. Nhưng «nhớ đến Ả Q» nghĩa là nhớ đến công ăn việc làm, chứ hào phải nhớ gì đến «Hành trạng» của Ả Q! Rồi đến lúc công việc rảnh rang, thì luôn cả Ả Q người ta cũng chẳng nhớ nữa, còn nói gì đến «hành trạng» của va!

Ấy mà có một hôm nào, một lão nào cũng đã tăng bốc Ả Q bằng một câu nói như sau này: «thằng Ả Q làm được việc thiệt, không phải nói chơi!» Ấy là trong lúc Ả Q còn gầy gò, trần truồng trượng cả gân cổ lên mà cố công giúp lão một việc gì đó. Người ngoài nghe câu tán đó cũng chẳng ai hiểu là lão kia nói thiệt tình hay chể riếu. Duy Ả Q thì xem ra có vẻ đắc ý lắm.

Ả Q lại có tính tự cao. Kể ra cả bấy nhiêu mặt dân trong làng Mũi va tuyệt không đếm xỉa đến mặt nào. Cho đến cả hai cậu đồ trong làng cũng vậy dưới tầm con mắt va, va cũng xem thường hết sức «Phù cậu đồ dạ giả có thể thành ngày sau chi thầy tú vậy» (1) Trong làng còn hai cụ cổ nhà họ Triệu và họ Tiền là hai người mà ai ai cũng kính trọng. Số là hai cụ gia tư giàu có lại còn hai cậu con là hai cậu đồ. Thế mà đối với hai Cụ, Ả Q xem chừng cũng

(1) Ả Q chính truyện, thiên thứ I, bài tựa, đã dịch đăng ở Thanh-Nghị số tốt Février 1943

(2) Câu này Lão Tấn cố ý viết theo lời các bài văn cử-tử ngày xưa.

A' Q.

CHÍNH TRUYỆN

ĐẶNG THÁI MAI dịch

chả kiềng nề gì lắm. Thì ra va cũng nghĩ bụng: «Biết đâu đấy! Biết đâu con tờ ngày sau lại không làm nên to bằng năm, bằng mười lữ ấy!» Còn có một điều mà Ả Q. có thể tự-bào với cả làng Mũi nữa là va đã lên tỉnh mấy lần... Nào có phải Ả Q. có trọng gì lữ phở phờng trên tỉnh!

Thì ví dụ: như cái ghế dài ba thước, rộng ba tấc kia ở làng [ai] chẳng biết phải gọi nó là cái «ghế dài»! Thế mà trên tỉnh họ lại gọi là «tràng kỷ»! Thế là Ả Q nghĩ bụng: «Gọi là tràng kỷ là làm! là đáng cười!» Ở làng Mũi lúc chiến cá, người ta bao giờ cũng gia màu bằng một vài lá hành, thế mà ở trên tỉnh họ lại đi gi màu bằng anh hành! Ả Q cũng nghĩ bụng: thế là làm! là đáng cười!» Nhưng nói cho hết lẽ, thì cái lữ làng Mũi chưa hề biết tỉnh là đâu cả kia lại chẳng đáng khinh, đáng cười hơn ai hết hay sao? Một đời chúng nó, chưa hề biết trên tỉnh người ta chiến cá thế nào kia mai!

Ả Q đã «có bề có thể» có kiến thức nhiều; lại «làm được việc» kể ra cũng đã có thể gọi là người «hoàn toàn» lắm kia đấy.

Đáng tiếc là thân thể va còn một tí khuyết điểm. Bực bội nhất là trên đầu va làm cho một vật sọc to tướng mọc lên đấy tự bao giờ. Kể ra đám sọc đó, cũng là vật «sở hữu»; nhưng xem trong ý tứ Ả Q thì có thể đoán ngay rằng va không quý gì cái vết lằng xằng đó. Thì trong lúc trò chuyện ngày thường, Ả Q vẫn kiềng tuyệt không dùng đến tiếng sọc và những tiếng đồng âm đồng nghĩa với tiếng sọc cho đến tất cả những chữ gì có một ý nghĩa gì gần xa với tiếng sọc, tiếng mọc cũng kiềng nốt! Suy rộng nghĩa ra, dần dần, Ả Q kiềng nói đến cả những tiếng gì có ý nghĩa «lằng» như là tiếng «rạng» tiếng «sáng», cho đến những tiếng như «đen» «đuốc» cũng kiềng nốt. Thế rồi bất cứ người nào, bất kỳ vô tình hay hữu ý, đứng trước mặt va mà dám dùng mấy danh từ «phạm húy» đó là Ả Q đồ bùng mặt lên lườm vào mặt lão kia, dần đo một lúc, rồi nếu nó ít mồm ít mép, là va mắng; nếu nó sức yếu là va đánh! Nhưng thường thường thì đầu câu chuyện, phát khởi thế nào cũng vậy, chung quy Ả Q vẫn bị thua. Vài lần như vậy, một ngày kia Ả Q đành phải đổi hẳn cái chính sách bài ngoại của va và chỉ lườm kẻ thù bằng một cặp mắt dạn dừ nữa thôi!

Nào ngờ đầu sau lúc va thi hành cái «chủ nghĩa lườm» ấy thì cả tụi dân làng Mũi lại càng đua

nhau mà cười bỡn. Hễ thấy mặt Ấ Q là chúng nó giả vờ ra vẻ ngạc nhiên và bảo nhau:

«Ủa! sao giới tự nhiên lại sáng quang ra thế này, này!»

Theo lệ Ấ Q đã phát bản, Ấ Q đã lườm chúng nó bằng một cặp mắt rất dữ tợn.

Thế mà chúng nó vẫn không có vẻ sợ hãi:

«À! té ra ngọn đèn bảo hiểm (1) kia kia! Thảo nào!...»

Không có cách gì đối phó, Ấ Q đành giả thù với câu:

«Thử chúng mày, thắm vào đầu!» Tưởng những hồi bấy giờ, thì mấy cái mọt sọc trên đầu va không phải là một cái vết sài, vết lở tầm thường gì! Mà lại là một thứ sọc đặc biệt, một thứ sọc vinh-diệu danh-giá nữa kia đấy! Nhưng trên kia đã nói rõ — Ấ Q là người «Kiến thức rộng» và biết rằng: cái sọc này là một thứ sọc danh giá thiệt đấy; nhưng nói đến là «phạm húy» không nên! Vì vậy mà va cũng không muốn nói cho đến gốc, đến ngọn làm gì.

Thế mà có đứa vẫn còn chưa chịu thôi, vẫn cứ kếm chuyện mà trên va, thành ra chung quy vẫn phải đánh! Lúc đã ầu ẩu thì về mặt hình-thức cố nhiên là Ấ Q vẫn bị thua. Thì cái thằng kia nó tóm ngay lấy đuôi sam (2) Ấ Q, nổ vờ ngay lấy đầu Ấ Q, va luôn vào tường thình thình bốn năm cái thông. Rồi hình như nó đã hả dạ, nó sẽ hờn hờn mặt thẳng trận, từ từ bỏ đi. Còn Ấ Q, Ấ Q đứng ngẩn ngơ ra một lúc, nghĩ bụng: «Mình thế này mà thằng nhãi con kia nó dám đánh, thì khác gì nó đánh bố nó!... thiệt thời buổi ngày nay, hết chỗ nói!»

Chỉ một ý nghĩ ấy — mình là bậc bố nó — đã làm cho Ấ Q hả dạ, va cũng hờn hờ ra về, tựa hồ như vừa thẳng trận xong!

Bao nhiêu những ý nghĩ của Ấ Q xưa nay vẫn nằm đầu cửa miệng. Vì vậy mà những kẻ đã hay đùa với Ấ Q, chúng nó vẫn biết cái thủ đoạn đặc thẳng tướng tưng của Ấ Q. Cho nên, về sau hễ có đứa nó tóm lấy cái đuôi sam vàng he của va, là nó bảo ngay Ấ Q

«Ấ Q ạ! Đây không phải là con đánh bố đâu nhé! Là người đánh con vật, nghe chưa! Nào! mày nói to lên là người đánh con vật rồi tởn!»

Ấ Q bai tay cố níu lại cái đuôi sam, ghếch đầu lên:

«Thì tởn nói: đây là người đánh con sấu! Hả dạ chưa? Tởn là con sấu! Thả ra chứ! (3)

(1) Tên những ngọn đèn, bao bọc mồi vẫn đứng ở dưới các hầm mỏ để trông rõ mà làm việc.

(2) Ấ Q là một nhân vật đời Mãn-thanh

(3) Ấ Q đã chịu nhún xuống một bậc nữa dưới cả con vật.

Thế mà thằng «nhãi con» nó vẫn chưa tha! Nó còn tóm lấy đầu va luôn vào tường năm sáu cái thình thình! nữa rồi mới hờn hờ, có vẻ đắc ý, ra về. Trong ý nó thì sau trận này Ấ Q có thể xấu hổ chết ngất đi được! Nào nó có biết rằng: mười dây đồng hồ san đó, Ấ Q lại cứ hờn hờ cứ ra về thẳng trận, đắc ý ra về. Va nhận thấy va là người nhẹn nhục hơn ai hết; và ngoài câu chuyện nhẹn nhục ra, về mọi phương diện va vẫn là «người bậc nhất!» Bụng bảo dạ: «Người bậc nhất thì họa là ông trạng nguyên! Thử mày đã kẻ vào đây!»

Sau lúc đã đem bấy nhiêu phương pháp thần diệu ra để đối phó với thù nhân rồi Ấ Q sẽ đi tới nơi quán rượu, núc luôn mấy chén, cười cợt với anh này, cãi lộn với anh kia, lại «ăn hơn» mấy lần nữa rồi mới hờn hờ đi về đèn thổ - cốc, ôm đầu làm một giấc đến sáng. Nếu như túi sấu tiền, là va đi đánh bạc. Giữa một đám người xúm nhau ngồi xôm, Ấ Q mặt đầm đìa cả mồ hôi là mồ hôi, chen ngay vào, tiếng nói giòn hơn ai hết.

— Này! cửa thập-long: bốn quan đấy!

— Hèm! Hèm!... Mở lờ!... (Bác nhà cái vừa mở, vừa xướng, mặt cũng ướt đầm đìa những mồ hôi là mồ hôi) Thiên môn lờ! Bao nhiêu cửa giắc cho về lờ! Mấy cửa suốt để lại!... Tiền Ấ Q đâu? đưa đây!

— Cửa suốt một quan... quan năm, này!

Dần dần, giữa bấy nhiêu tiếng xướng họa, bao nhiêu tiền Ấ Q cứ thế mà luồn vào túi một bọn người khác mặt cũng như mặt va, cũng đầm đìa những mồ hôi là mồ hôi! Cuối cùng, Ấ Q đành tháo ra ngoài vòng, đứng sau lưng túi con bạc, mà nhìn vào, mà hi hóp lo thay cho kẻ khác, cho đến lúc tan canh bạc mới lui thủ đi về đèn thổ cốc. Hôm sau sẽ lại cứ như thường, vác cặp mắt sưng lui thủ đi làm thuê.

Kề ra «Mất ngựa, biết đâu không phải là một điều may cho ông Tái-thượng» (1) Số là đã có hôm nào Ấ Q được luôn một canh bạc mà lại cơ hồ nguy kia đấy!

(1) Dịch câu: «Tái ông thất mã, an tri phi phúc» trong Hoá Nam-Tử. Lỗ Tấn vẫn hay đùa bỡn lối văn hay dùng những điển-tích. Hoài nam Tử có chép câu chuyện Tái ông như sau:

«Ông Cụ-già trên cửa tái mất con ngựa. Người ta đến hỏi thăm. Ông nói: «Biết đâu mất ngựa không phải là một điều may!» Mấy tháng sau, con ngựa lại đem một con ngựa Hồ rất tốt giới về. Người ta đến mừng. Ông nói: «Biết đâu được ngựa, không phải là một điều rủi!» Quả nhiên vài hôm sau người con cưỡi ngựa ngã gãy ngay mất một chân. Người ta lại đến tham, ông nói «Biết đâu đây không phải là điều may!» Quả nhiên năm sau, có giặc đến người cả làng ra đánh chết gần hết, duy hai bố con ông vì bố già con què mà sống. Nghĩa là nói: việc đời may rủi thật khó biết.

Hôm ấy, làng Mũi có đám rước thần. Theo lệ thường, làng có tổ chức một đám hát. Bên rạp hát cũng theo lệ thường, có mở một đám bạc. Á Q đánh đã đến hồi khá mê Tiếng trống, tiếng phèng bên rạp hát, trong tai Á Q nghe đã phảng phất như những đập nhạc ở đâu mãi ngoài mười dặm đường xa dội lại! Duy chỉ tiếng xướng của nhà cái là và còn nghe được rành mạch. Á Q được luôn mấy hội tiền đồng thành bạc giắc, bạc giắc thành bạc đồng, bạc đồng chổng chất dần dần thành một đồng to tướng! Á Q đắc ý, mặt mày nở hân lên;

« Này! thiên môn, hai đồng bạc! »

Nào ngờ đằng sau, một đám gây lộn đã xảy ra; tiếng chửi, tiếng mắng, tiếng đấm đá, cả một lũ xô xát nhau loạn xạ, làm cho Á Q đã bị choáng cả đầu óc một hồi khá lâu! Lúc va ngóm được đầy, thì lũ con bạc đã biến đâu cả rồi; cả bọn người xung-quanh hồi nãy cũng không hề thấy một ai nữa! Á Q nghe như da thịt còn có mấy chỗ đau ran lên. thì hẳn là vừa rồi đã bị mấy quả đấm, mấy khẩu đá vào mình hân! Trước mặt và mấy người còn đứng nhìn, ra vẻ ngạc nhiên. Á Q thất tha, thất thối, chạy về đền thờ Cốc; rồi đến lúc thần hồn đã định tỉnh thì sực nhớ ra rằng: đồng tiền mình vừa được trong canh bạc đã bị chúng cướp sạch sành sanh! Trong ngày hội, bọn phường bạc đều là người tứ-chiếng, biết làm thế nào mà dò cho ra mối manh!

Rõ ràng một đồng bạc đồng chói lọi lên đó, — rõ ràng là của mình—thế mà bây giờ biến đâu mất! Lại mấy thằng nhãi con nó cướp của « bố nó » đi rồi chứ gì! Á Q không tài nào khuấy khỏa được! Và tự mắng mình: « Đồ con sâu! » mà vẫn cũng không khuấy! Lúc bấy giờ, va hình như đã cảm thấy nỗi đau khổ của một cuộc bại trận thật tình.

Nhưng chẳng mấy lúc là Á Q đã xoay hẳn cảnh-ngộ bại trận ra làm một tinh-thể đặc-thắng. Va sẽ giang cánh tay phải lên, rần hết sức, đánh vào mặt luôn hai bạt-tai đau ran lên. Đánh xong, va tự nhiên nghe như là đã hả-dạ, và tựa hồ như là cái người đánh đấy là mình, và cái người bị đánh kia lại là một « mình » nào khác;...chả mấy lúc là va đã tưởng tượng rằng va vừa mới đánh một đứa nào ấy!... Thế rồi mặc dầu còn đau ran cả mặt Á Q đã hơn hờ ngả mình xuống đường...

Thế là Á Q ngủ thẳng.

(còn nữa)

Đăng thai Mai dịch

**Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$ 00 mua
VÉ SỔ SỐ ĐÔNG-DƯƠNG**

== NHÀ XUẤT BẢN == HÀNG TÔNG PHÁT HÀNH

THỜI = ĐẠI =

ĐANG IN:

NGUYỄN VĂN NGỌC

ÔN NHƯ TÀN TẬP

Truyện cổ nước Nam — Tục ngữ phong
dao — Cổ học tinh hoa

HOÀNG ĐẠO THỦY

TRAI NƯỚC NAM LÀM GÌ?

NGUYỄN XUÂN KHOÁT

VIỆT-NAM NHẠC-PHỔ

Đã có bản. Giá: 0\$20

Quyết chí tu thân — Phụng mệnh quân
vương — Trấn thủ lưu đồn

NGUYỄN TUÂN

VANG BÓNG MỘT THỜI

(tái bản)

THANH TỊNH

NƯỚC CỜ NAM TIỀN

Mua buôn dưới 20 quyền trừ 25%, trên
20 quyền trừ 30%. Ngân phiếu đề cho:

M. ĐỖ HUÂN

214, Hàng Bông HANOI

= TÌNH HÌNH TIÊU CÔNG NGHỆ... =

(Tiếp theo trang 4)

nghệ dùng nó sẽ biến mất ngay trước khi hết chiến tranh. Người ta trưng bày những nồi soong làm bằng aluminium, những tủ sắt, những bộ phận máy móc, cả cái bàn để bằng sắt mạ kền, cả chiếc xe đạp kéo thêm cái rơ-móc rất tiện cho khách du-lịch muốn mang thêm cả vợ con đi chơi! Kể chiêm lăm cuộc trưng bày phải khen ngợi óc biến-chế của nhà công-nghệ nhưng phải nhận rằng, ngoài sự đẹp mắt, những hàng đó là những sản phẩm để bày trong phòng thí-nghiệm thì có nhẽ hợp chỗ hơn!

6.) Bỏ riêng ra những hàng « đẹp mắt » chỉ tỏ cái tài phỏng tạo khéo léo, trong tất cả những công-nghệ đã trưng bày có ít nhiều giá trị về phương diện kinh tế, chúng tôi chỉ nhận thấy có hai công-nghệ sẽ có hi vọng tồn tại và phát đạt sau tình-thế bất thường mà ta đang sống. Đó là nghề làm đồ chơi trẻ con và nghề đan (vannerie). Chúng tôi chỉ kể những thứ đồ chơi bằng gỗ, mà về phần tinh xảo và bền bỉ, trông không kém các hàng ngoại quốc xưa nay. Người ta đã chú ý đến phương diện mỹ-thuật và sự ích lợi về giáo dục. Điều tiến bộ đáng mừng ấy một phần lớn do sáng kiến của vài bạn thanh-niên co học đã chịu hoạt động trong nghề này.

Nhờ ở các nguyên liệu khan như vải, da, nghề đan chiếm được phần quan trọng trong việc sản xuất những đồ, làn, hộp, bao, túi, cặp. Các nhà công nghệ đã tỏ tài khéo léo trong sự biến chế các kiểu, cầm sạch nhẹ nhàng tiện lợi và dễ

coi. Đã có nhiều đàn bà người Âu đi đòi guốc quai bằng cói đan hoặc sách những bao nhỏ bằng mây hay lá gồi tô điểm một vài hình xanh đỏ nhã nhặn.

Chúng tôi tin hai nghề trên sẽ giữ được giá trị của nó sau này, vì nguyên liệu ở trong nước có sẵn, và sự sản chế chỉ cần sức người cũng đủ cho đồ hàng được tinh xảo và bền bỉ. Ta cũng không lo những hàng đó vì dùng sức người nhiều mà sẽ bị cao giá ở trong một nước mà « động lực rẻ nhất vẫn còn là bắp thịt của người ». Chỉ còn mong những nhà công-nghệ nghĩ luôn luôn đến việc thay đổi các kiểu tiện lợi và mỹ quan để thích hợp với sự cần dùng và sở thích mới. Họ cần phải có óc mới. Vì thế ta vui vẻ nhận thấy đã có các bạn trẻ nghĩ đến các nghề này.

Tôi sẽ có lỗi lớn nếu không nói đến một công-nghệ mới có thể chiếm một địa vị quan trọng ngay bây giờ và sau này nữa, tức là nghề dệt các thứ vải bằng gai, đay, bông gạo, hoặc bằng vài thứ sợi chọn lẫn. Các nhà công nghệ đã khéo thích dụng nghề mình với những vật liệu mới và đã dệt được những mẫu hàng khả quan. Song số phận các nghề dệt mới này còn do việc khác định đoạt: tức là việc giồng giọt các cây lấy sợi và việc có thể dùng các thứ cây ấy.

(còn nữa)

VŨ ĐÌNH HÒE

THÁNG GIÊNG QUÝ VI

SẼ CÓ BÁN:

TÓC CHI HOÀI

của

NGUYỄN TUÂN

phụ bản của NGUYỄN GIA TRÍ

ẤN BẢN CHÍNH HẠN ĐỊNH:
600 bản

Bản Impérial Annam đặt mua trước . 10\$00

Bản thường 2\$50

LƯỢM LỬA VÀNG xuất bản

49 — Tiéntsín — Hanoi

Một quyển sách do LƯỢM LỬA VÀNG xuất bản là một quyển sách có giá trị

XIN CHÚ Ý:

Mai 1943, một quyển sách mỹ thuật của một nhà văn trứ danh biên không độc gia Lượm lửa vàng.

Đã có bán và gần hết

TRUYỆN QUÊ của TRẦN TIÊU Giá: 1 \$ 00

JÉSUS CHRIST của HIẾU ĐỨC Giá: 1 \$ 00

ĐƯA CON CHỜ ĐỢI của NGUYỄN ĐỨC CHÍNH Giá: 0 \$ 60

Tổng phát hành

XUÂN THU NHÀ TẬP Giá: 1 \$ 50

SẮP CÓ:

GIỌT SƯƠNG HOA XUÂN của PHẠM-VĂN-HẠNH Giá: 2 \$ 50

NGÃ BA NGÃ BA NGÃ BA

(Tiếp theo trang 8)

LỚP THỨ BẢY

BỌN GIA-ĐÌNH, rồi HÙNG

Bọn gia-đình bưng ra các đồ nước, và một chiếc bàn dài phủ khăn trắng, đặt giữa nhà. Đường thu dọn thì Hùng ra.

HÙNG. — Một người ở lại đây mà bày bàn, còn những người khác chạy mau đi mời tất cả khách khứa của ta lên đây.

Nói xong lên gác. Bọn gia đình theo lời dẫn. Một lát sau, tất cả mọi người đều lần lượt kéo ra sân khấu.

LỚP THỨ TÁM

TẤT CẢ CÁC NHÂN VẬT, trừ BỘC

Trước hết Tuyền và cô Thiếu nữ ở ngoài vườn vào.

TUYỀN. — Chừng nào cô sẽ trở lại vùng này?

THIẾU NỮ, *tay vẫn cầm cành hoa mạn.* — Không bao giờ chúng tôi nghĩ đến điều đó. Ông cháu chúng tôi có biết ngày mai sẽ đặt chân lên đất nào đâu. Ông tôi thường nói là cái số kiếp của chúng tôi như vậy.

TUYỀN, *ngẫm-nghĩ.* — Cô à... tôi thấy từ hôm nay trở đi cái số kiếp của tôi cũng sẽ được đi những cuộc hành du như vậy, vì tôi sẽ theo chân cô, cho tới chỗ sơn cùng thủy tận.

THIẾU NỮ, *ngẫm-nghĩ.* — Chỉ sợ ông đi theo chúng tôi không nổi thôi, vì không có chỗ nào là sơn cùng thủy tận cả.

TUYỀN. — Ông cô tuổi đã cao lắm rồi, cũng chẳng còn đi được mấy năm nữa. Có một ngày cụ sẽ phải dừng lại ở một ngọn núi, một mé rừng, hay một bến sông nào, để cô đi một mình...

THIẾU NỮ. — Ông tôi thường bảo là bao giờ đi đến một bến sông nào có một đứa bé mặc áo xanh chờ một chiếc đò, thì ông tôi sẽ dừng chân trên bến, và tôi sẽ phải xuống đò một mình,

TUYỀN. — Không, cô sẽ không xuống đò một mình, vì từ ngày ấy trở đi tôi sẽ chống chiếc gậy trúc của cụ mà đi trước cô một bước như cụ vẫn đi từ xưa. Còn bây giờ tôi sẽ xin bắt đầu đeo khăn gói của cụ mà đi sau cô một bước.

THIẾU NỮ, *ngẫm-nghĩ.* — Thế tôi sẽ đi tay không à?

TUYỀN. — Không. Cô sẽ cầm trong tay cành hoa mạn này, và những cành hoa đại chúng ta sẽ hái ở dọc đường.

Lão-trượng ở bên tả ra cùng với Mạnh, Cầm, Thi, Lượng.

LÃO TRƯỞNG, *chỉ Tuyền nói với mọi người.* — Bao giờ lão không đi được nữa, thì sẽ có người cùng đi với cháu cho trọn cái kiếp hành-du vô sở chi.

Mọi người đứng quanh bàn tiệc

THI, *hỏi:* bọn người nhà. — Ông Hùng đâu?

Hùng ở trên gác xuống

HÙNG. — Không có ngày nào tốt đẹp hơn ngày hôm nay để chúng ta cùng lên đường. Gọi là có chén trà liễn-biệt. Xin mời cụ, mời cô, mời các anh em. (*Bảo-gia-tinh*). Các người hãy gánh hết cả hành trang xuống chân đồi, rồi chờ ở dưới đó. Đồ đạc của ta hãy để lại. Ta sẽ đi sau mọi người.

Bọn gia đình khênh các đồ đạc vào.

HÙNG, *rót một chén nước dặt trước tượng Phật.* — Có chén nước dâng lên vị bồ tát này, để ngài phù hộ cho mọi người lên đường được nhẹ nhàng thanh thản. (*Quay lại nhắc chén*) Nào!

Mọi người cùng nhắc chén.

HẠ MÀN

Cảnh thứ hai

Màn vừa hạ lại kéo lên ngay. Mọi người đã đi cả. Bàn nước còn ngồn ngồn chén đĩa. Ánh nắng đã kéo ra ngoài hiên. Trong phòng sình dục ngoài vườn rực rỡ chói lọi. Trời xanh ngắt. Hùng đứng tựa cửa nhìn ra ngoài vườn, tay cầm súng. Một lát, lấp đạn vào súng, quay vào nói với ngôi tượng Phật:

HÙNG. — Xin ngài phù-hộ cho mọi cuộc lên đường của những kẻ có lòng Tin-Tưởng được nhẹ nhàng thanh thản.

Ngay lúc đó, ở nhà dưới đưa lên một điệu kèn già nam. Hùng lang lặng cầm súng lên gác. Vừa lúc Hùng đi khuất thì Lượng ở ngoài vườn ra, lo ngạ, liến đến phía chân thang. Bỗng một tiếng súng nổ ở trên gác, Lượng dừng lại, vịn lấy thang, cúi đầu một lát rồi quay vào phía vườn. Lão-trượng hiện lên ngoài khung cửa.

LƯỢNG. — Thừa cụ, có một người đã lên đường, và đã làm trọn được Số Kiếp trong một phút giây vừa qua.

Tiếng kèn già nam vẫn thồn thức.

HẠ MÀN

HẾT

ĐOÀN PHÚ TỬ

Kịch

NGÃ BA

CỦA ĐOÀN PHÚ TỬ

SẼ XUẤT BẢN THÀNH SÁCH

Chương trình đi thăm Đập cầu Bắc-ninh

NGUYỄN THIỆU LẬU

Đi buổi sáng, chuyển xe hỏa 7h22 — thường, đến 8h mới chạy — về buổi chiều, chuyển xe hỏa 3h45 đến 6h30, 7h tới Harot. Nếu trời tốt, nên đến sớm, thức ăn buổi chưa để ở trên đồi; nếu trời xấu — vì khó chèo các đê, vì lầy, lội và phong cảnh bị mây, mưa phủ khuất — nên nghỉ lại Bắc-ninh (vào hồi 10h) hay Đập-cầu ăn cơm trưa.

Sách tham khảo: Histoire d'une Citadelle Annamite Bắc-ninh của Ardant du Picq (Bulletin des Admis du Vieux Huế Nos 3-4 1935). Không cần đem theo bản đồ 1:100.000

Bắt cứ một cuộc đi chơi nào, nếu ta có ý quan sát, ta sẽ nhận thấy nhiều điều có ích cho ta, cho ri xét đoán. Có khi lại là những điều mới.

Nhưng sự quan sát phải có trật tự, phải theo một phương diện: phương-diện địa dư.

Học trò các lớp Seconde và Première — nếu có người hướng-dẫn — sẽ nhận thấy vài điều cốt-yếu giảng trong chương-trình địa-dư và sẽ tự bảo: địa-dư dễ và vui. (Nhưng trong một cuộc đi chơi độ 5, 6 giờ đồng hồ, người hướng-dẫn không nên nói nhiều.) Vẽ vài ba bản đồ theo sách của Ardant du Picq.)

Tới Bắc-Ninh

Từ ga xuống theo đường cái quan (đường chính) đi lên Thị cầu.

I.— NÊN NHẬN.— Hai bên phố, các nhà lối xưa thấp, hẹp, có đồ (giống các nhà cũ kỹ phố hàng Bạc, hàng Đào, hàng Gai ở Hanoi.)

Tỉnh Bắc-Ninh có hai phần: thành xây từ đầu thế kỷ thứ XIX (đời Gia-Long) và một phố, chạy giải theo đường quan lộ. Xung quanh thành và về phía đông — đường đi Thuận-thành và Phả-Lại, có mấy phố con hợp thành các khu nhỏ.

II.— CÂU HỎI: Tại sao thành lại xây ở đây mục đích để làm gì và tại sao lại có một phố buôn bán, chạy giải mãi và hiện thời, nhà cửa gần sát, tới Thị-Cầu? (đặt câu hỏi ngay, nhưng sau mới có thể giả nhời đầy đủ được).

Đi thăm Thị-Cầu và Đập-Cầu

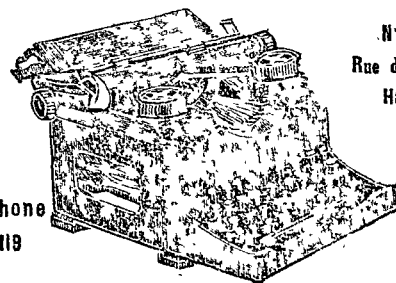
I.— NÊN NHẬN. CÓ MẤY QUẢ ĐỒI NỒI LÊN. (có 4 quả đồi chính). Tới gần một quả tìm tới chỗ đào lấy đất và nhận là đồi bằng đá granite, gralunite, có đất phủ lên trên.

Đá granite có quartz, feldspath và mica: quartz là những hạt trắng rắn; feldspath thường đã hóa thành đất sét, argile, còn mica là các hạt đen, mica noir. — Đá granite bị nắng, mưa nên không rắn lắm, nước mưa lại còn làm cho màu đất sét đỏ lên, oxydation. — Đất phủ trên không phải toàn là bởi đá granite hóa ra (terre de décomposition du granite) mà chính là đất phù-xa bởi sông đã bồi lên (alluvions anciennes).

Vậy các đồi ở đây là đá ở dưới nổi lên (émergence de la roche en place): đồng bằng chỉ là một lượt đất phù xa bao phủ đá ở dưới một lượt rất mỏng. Nhưng, vì trên đồi có đất phù xa xưa (alluvions anciennes), ta đoán là ngày xưa, có một đồng bằng cao hơn bây giờ đã tré phủ cả các đồi (ancien delta).

Muốn hiểu kỹ, nên đọc P. Gourou: Le Tonkin, và Les paysans du delta tonkinois. Nếu người giảng khéo chỉ bảo thì ai ai cũng nhận được, nhưng ai ai cũng phải biết địa dư.

Một nhà chuyên môn chữa và cho thuê máy chữ, từ 20 năm nay, được tin - nhiệm của mọi người
— Cần mua nhiều máy chữ cũ —



N° 14
Rue du Papier
Hanoi

Téléphone
n° 119

MAISON QUANG - LOI

a) Về phía Bắc, khúc sông vòng quanh, bên lở, bên bồi (courbe fluviale avec *rive concave* abrupte et *rive convexe* en pente douce): bên bồi, có giếng rau.

II.—CÂU HỎI. *Thị-Cầu, Đáp-Cầu, liên lạc với Bắc-Ninh như thế nào? Ảnh hưởng của Sông Cầu và của các trái đồi đến hai tỉnh con này như thế nào? Thị-Cầu khác Đáp-Cầu như thế nào?*

Có hai khu khác nhau; *Dã p*
Cầu ngày xưa (Le Vieux Đập-

<https://tieulun.hopto.org>

hợp, leo lên đồi (trường làm bằng chum, tiểu vì gần đó làng Thổ-Hà làm đồ gốm có các thứ đó, vôi, sứ, bán cho dân Đáp-Cầu lấy làm nhà) và Đáp-Cầu, ngày nay (Le Nouveau Đáp-Cầu hay là Le Bas Đáp-Cầu), ở ven sông có chợ to, nhà gác, buôn bán thịnh vượng.

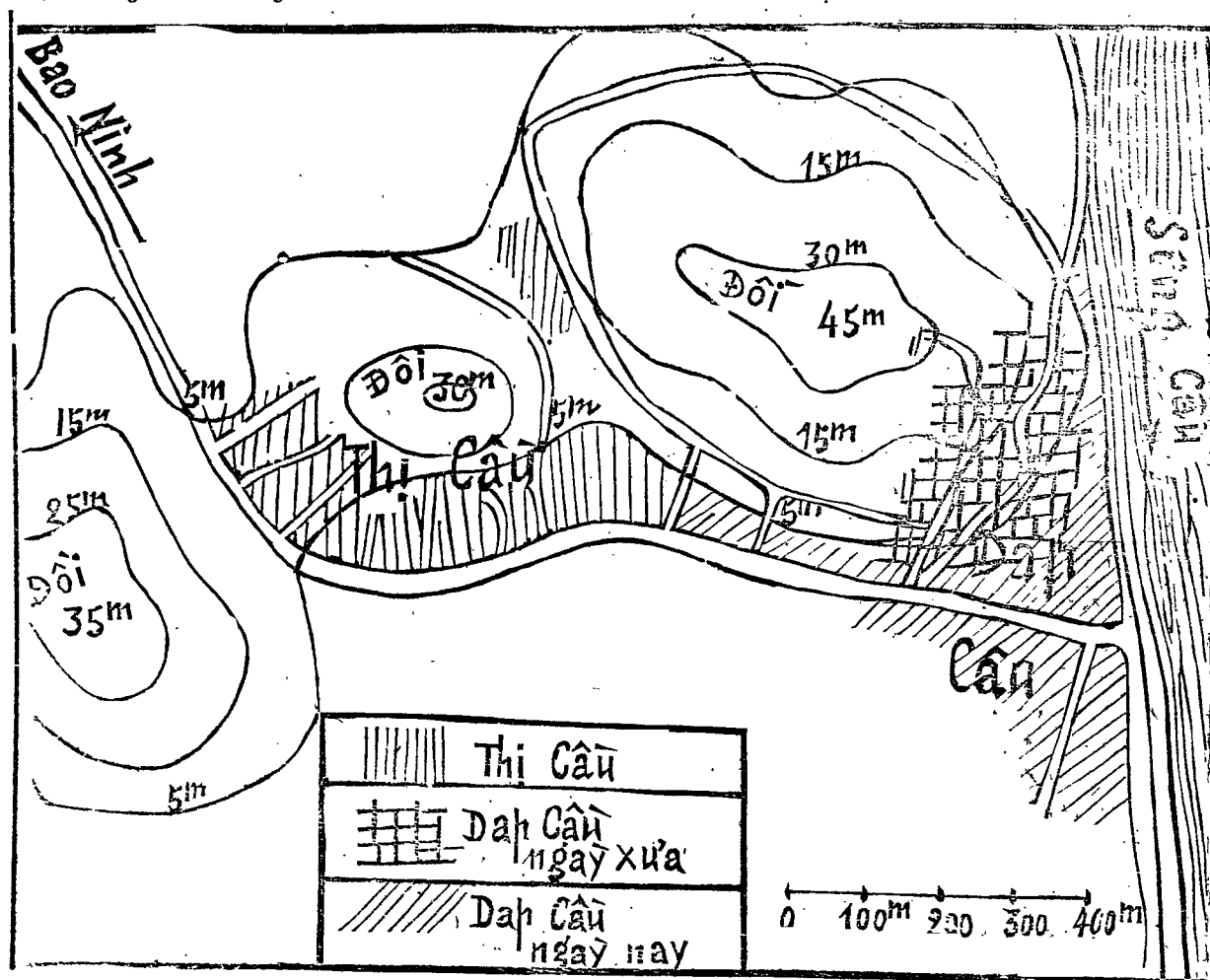
Ở về mạn trên sông, lại có nhà máy gạch, máy giấy của người Pháp.

d) Chính Thị-Cầu, Đáp Cầu mới là nơi địa-lợi cho sự buôn bán, nhưng không phải là nơi địa thế hùng-cường.

Bắc xây từ năm 1804 vì ở đó, theo phép địa-lý thì sơn thủy kỳ tụ : nào là thanh long bạch hổ ngũ mã đồng quân..... Ở Bắc-Ninh, nhìn về phía Nam, thấy giấy núi Vất đó là thành vậy.

Thành xây nhưng đường từ Lạng-Sơn về Hanoi không chạy xiên qua, chạy sang phía Đông: Vì vậy mới có phố buôn bán, phố chính ở Bắc-Ninh.

Bắc-Ninh là tỉnh vì địa lý còn Thị-Cầu Đáp-Cầu là tỉnh vì địa-dư.



PÉDOCA

vinaigre de bon goût

EN VENTE:

dans tous les grands magasins
d'alimentations

N° 136

Boulevard A. Rousseau
Téléphone : 1663
HANOI

VIỆC QUỐC TẾ

Ở Đông-Dương

SÁNG chủ nhật 21 Mars 1943, Tổng-hội sinh-viên trường Đại-học đã tổ-chức một buổi họp văn-chương và âm-nhạc tại Đại-giảng-đường rất đáng cho ta chú ý.

Có nhẽ tiếng súng nổ chung quanh đã giác-ngộ thanh-niên đất này, gọi họ trở lại con đường phải theo và nhắc tới cái lẽ sống đương-nhiên của họ. Cho nên buổi hội họp kia đã không còn tính-cách vui chơi phù - phiếm bất-hợp-thời, mà đầy một ý-nghĩa nghiêm-trang đáng kính.

Mấy bản đàn mới mẻ, ý-thức sen giữa hai cuộc nói chuyện do bạn Đặng ngọc Tốt tán-dương khúc « Binh-Ngô đại cáo », và nhất là bạn Vũ-dinh-Liên nhắc lại lịch-sử cuộc Nam tiến của dân tộc ta trong bài « Ngoảnh lại Giang-san » đã gây nên giữa số đông thính-giả bầu không - khí tràn - lan một mối tình thiết-tha vì đất nước.

Làng báo Đông-Dương vừa thiết một tay kiện-tướng: Bạn đồng-nghiep. Bùi-thế-Mỹ chủ-trương tờ Dân-Báo ở Saigon từ trăn ngày 27 Mars, Báo Thanh-Nghị xin có lời thành-thực kính viếng bạn, chia-buồn cùng tòa Dân-báo và tang-quyển.

Mặt trận Nga

Ngoài những cuộc tấn-công của Nga từ Bắc Phần lan tới hồ Ilmen không có kết-quả gì quan - trọng và cuộc tấn-công mới đây ở khu Kouban (Caucase) trong đó Hồng Quân chiếm thành Pétrovskoe (23 Mars) để tiến tới bờ biển (cách 10 cây số), đáng chú ý hơn cả là những mặt trận khu Smolensk-Viazma và khu Kharkov-Koursk kề cả vùng sông Donetz.

Ở phía dưới này quân Đức phản công lấy lại được Kharkov (15 Mars) thế là đã phá tan được cuộc tấn công của Nga trong miền Ukraine. Sau đó quân Đức đánh về phía Đông và Đông-Bắc, vượt qua sông Donez ở vài nơi, nhưng quân Nga lại phản - công ở phía Đông-Nam Kharkov, cố bám riết lấy Chu-guev giữ khu - sông Donetz, khỏi nguy tới Rostov. Đồng-thời cuộc phản-công của Đức lan dần từ Nam lên Bắc từ Kharkov qua kou lên tới Briansk, và sau khi giải vây cho Orel, có ý đánh lên phía trên thúc vào sườn của đội Hồng Quân đang tiến đánh Smolensk.

Ở khu này, sau khi chiếm Viazma (12 Mars), Hồng quân tấn-công dữ về phía Smolensk nhưng cuộc tiến chậm lại vì tuyết bắt đầu tan. Mới đây Nga đã chiếm Durovo cách Smolensk 50 cây số, và hiện nay thì đã đánh gần tới thành này. Nhưng tuyết tan làm mặt đất bùn lầy ngăn trở cuộc tấn-công. Nếu lấy được Smolensk, Hồng-quân họa bù lại được

cuộc thất-bại ở Kharkov và như thế là bắt đầu uy hiếp cả miền Bạch-Nga.

Mặt trận Bắc-Phi

Ở Bắc Tunisie quân hai bên vẫn cầm cự nhau chung quanh Tamera, và không có gì quan-trọng. Lộ quân thứ nhất của Anh, ở đây hình như chỉ chờ cuộc tấn-công ở Trung và Nam Tunisie để hành-động. Hiện nay đạo quân này bắt đầu tiến về phía Djebel Abiod.

Nhưng ở Trung và Nam Tunisie đã tới thời-kỳ cực quan-trọng. Lộ quân thứ tám của Anh từ phía Đông-Nam đánh lên, bắt đầu tấn công rất mạnh vào phòng tuyến Mareth của thống chế Rommel từ 15-16 Mars. Có tới tám sư-đoàn dự vào cuộc tấn-công đó, và đã vượt qua phòng-tuyến, tiến lên phía cửa hồ Gabès, tới gần thành El Hamma (23 Mars, cách Gabès 30 cây số. Thống-Chế Rommel có nhẽ phải rút quân về phía Bắc cho khỏi bị bao vây, là vì đồng - thời lộ quân thứ năm của Mỹ ở Trung và Tây-Nam Tunisie sau khi chiếm được Gafsa và Lala (19 Mars) Maknassy (23 Mars) tiến về phía Đông đánh theo đường xe lửa Gafsa-Sfax, cũng thắng tới Gabès và chỉ còn cách cửa hồ này có 25 cây số.

Như thế thì quân của Thống-Chế Rommel mới không bị kẹp giữa hai gọng kìm do lộ-quân Anh thứ tám và lộ quân Mỹ thứ năm gây nên. Hai lộ-quân này chắc sẽ hợp làm một để tấn công lên phía Bắc, khu Bizerte-Tunis, đến khi đó thì lộ-quân thứ nhất của Anh ở Bắc Tunisie cũng sẽ bắt đầu hoạt-động. Nhưng đánh được vào khu đó không phải dễ dàng là vì quân của Thống-Chế Rommel bảy giờ hợp với quân Đức-Y ở phía Bắc sẽ là một lực-lượng không vừa và tất thế nào cũng phản-công đến cùng.

Anh-Mỹ, ý muốn giải quyết cho chóng xong việc ở Tunisie chắc đề mưu cuộc tấn-công về phía đông Địa-trung-hải, trong mùa hè sắp tới là vì có tin nguyên chính - phủ Hy-lạp vừa dời Luân-Đôn sang đóng ở Le Cairé bên Ai cập. Đất Hy-lạp, bán đảo Bá-nhi-căn sẽ là nơi cầu-bắn cuộc tấn-công của Đồng-Minh vào Âu châu chăng?

Ở Guyane

Thuộc-địa Guyane của Pháp ở Nam-Mỹ đã hoàn toàn đặt dưới quyền Giraud do Hoa-kỳ che chở (Ofi-20 Mars).

Viết ngày 28 Mars 1943.
Đ.Đ.D.

TIN BUỒN

Chúng tôi được tin cụ Ngô Khẩn thân-sinh ra bạn Ngô nhật Quang trong Ty Trị-Sự báo Thanh-Nghị đã mệnh chung tại làng Lục Canh (Đông - Anh - Phúc-Yên). Xin có nhời thành thực kính viếng Cụ và chia buồn với bạn Ngô nhật Quang cùng tưng quyến.

T.N.

VỎ-ĐỨC-DIÊN

ARCHITECTE D. P. G. L.

N° 3, Place Négrier — HANOI

TÉLÉPHONE : 77

HIỆU CẠO VÀ NHÀ TÂM

PHẠM-NGỌC PHÚC

3 Richaud, Hanoi

(góc phố Hàng Bông và Phủ-Hoãn)

Chuyên môn nhuộm tóc và uốn tóc bằng máy điện.

Lớn nhất và có tiếng là lịch sự nhất Hà-nội. Tiếp khách suốt ngày và lúc nào cũng có nước nóng.

HÀN THUYỀN XUẤT BẢN

ĐÃ CÓ BÁN:

THANH NIÊN và THỰC-NGHIỆP

của

LÊ VĂN SIÊU

Một cuốn sách đề luận về các cách dùng mình, dùng người, dùng hoàn cảnh thời vận để được thành công trên đường thực nghiệp.

Dày 230 trang. Giá: 2\$00

Mua 1 cuốn gửi thêm 0\$40 cước đảm bảo không gửi lãnh hóa giao ngân.

SẮP PHÁT HÀNH:

NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ

của

NGUYỄN BÁCH KHOA

Khảo rất kỹ càng về cuộc tiến hóa của loài người từ thượng cổ đến hiện đại.

BÁO THANH-NGHỊ

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ-THUẬT CHÂN CHÍNH — PHỔ THÔNG MÀ KHÔNG LÀM GIẢM GIÁ.

Trong số 16 Avril 1943

— Nghĩa tùy thời	ĐỖ ĐỨC DỤC
— Vấn-đề canh-nông ở Bắc-kỳ	NGHIÊM XUÂN YÊM
— Á. Q. chính truyện	ĐẶNG THÁI MAI
— Ba cuốn tiểu-thuyết Pháp hiện-đại	LÊ HUY VÂN
— Tình hình tiểu-công-nghệ trong hai năm vừa qua	VŨ ĐÌNH HÒE
— Hai tấm vé số, truyện ngắn	NGUYỄN TUÂN
— Trách-nhiệm cha mẹ đối với sức khỏe của con cái	Bác-sĩ VŨ CÔNG HÒE
— Xã-hội Việt-Nam từ thế kỷ thứ 17	NGUYỄN TRỌNG PHẤN
— Cuộc tiến-hóa của nền tư bản Âu tây,	VŨ VĂN HIỀN
— Những phương pháp giáo-dục nhi-đồng ở các nước ngoài	PHẠM LỢI

Xin chú ý. — Tòa báo T. N. đã dọn lại 214 phố hàng Bông Hanoi